



# TRÁNG BỊ ĐẠO

VŨ ĐÌNH-HÒE

NHƯ những lâu đài tráng lệ bị lung lay trước trận cuồng phong vì các cột đã bị một rỗng, cuộc chiến-tranh hiện thời đang đưa vào một bước nguy nan những dân tộc mà bao nhiêu năm sự sống uể-oải đã làm suy nhược tinh-thần

Ở những nước đó, bệnh uể-oải thật đã trầm trọng và lan rộng khắp dân dân. Nó có tính cách một bệnh dịch, BỆNH DỊCH LƯỜI và tác hại cho Đoàn thể chẳng kém gì một bệnh thời khí khác.

Lười không phải chỉ có một nghĩa hẹp là không làm việc. Lười ở đây là không chống với dự vọng, lười là đứng yên cho dự vọng lôi đi... và đưa xuống vực thẳm!

Bệnh này rất thâm độc vì căn nguyên nó ở bản tính con người tí như một chứng mà còi rở ở trong máu « truyền tử nhập tôn », đời đời kiếp kiếp.

Bệnh này rất dễ lây vì người nào cũng đã sẵn có mầm bệnh trong huyết quản.

Nó rất mạnh vì bệnh người nọ lây sang người kia, rồi bệnh người này lại lây sang người trước, lũy tiến, lâu dần thành một cố tật của cả một dân tộc.

Nó lại rất mạnh vì phát vào một thời đại mà phong thổ rất thuận lợi. Đời sống quay cuồng, trong thế kỷ máy móc, lối cuốn mọi người trong một cơn ác mộng. Người ta tuy không hóa điên bởi sự quay cuồng — như vai hề Charlot trong một cuốn phim kia! — nhưng sự rợn rợn của cuộc đời cũng làm rất hiểm cho tinh thần những phút thanh thoi để suy nghĩ.

## Thông chế PETAIN đã nói:

« Đối với chúng ta ngày nay, nhân-nại là sự can-đàm cần-thiết nhất.

Vấn minh vật chất lại bày nhiều trò vớ vẩn để làm sao những những cuộc nghĩ ngợi và hiển cho dự vọng những đồ ăn mê ly. Ai đã mục kích những cuộc truy hoan điên cuồng những cảnh xa hoa dâm dăng công nhiên và dấu điểm trong những nơi đô hội ở những nước mà được coi là văn minh nhất, cũng phải nhận thấy bệnh nguy kịch của thời đại.

Cái bệnh dịch tinh thần này nguy hiểm gấp mấy những bệnh dịch về hình hài. Vì nó reo họa một cách yên lặng và gây cho người mắc bệnh những khoái lạc tức khắc.

Vì thế nó là mầm diệt vong của cả một dân tộc.

Đối với một bệnh đáng ghê sợ như thế, Đoàn-thể phải có những phương pháp quyết liệt để bài trừ.

Có phương pháp phòng bị và phương pháp giải cứu.

## Phương pháp phòng bị:

### RÈN ĐỨC TÍNH-KHÍ

Một chiến công rực rỡ của khoa học là khoa phòng bệnh. Có những bệnh như bệnh dịch hạch, bệnh đậu mùa hầu đã bị diệt hẳn vì những phép ngăn ngừa có hiệu quả. Khoa phòng bệnh chủ ở sự gây sức chịu đựng cho cơ thể để chống với cuộc đấy loạn của vi trùng.

Để phòng « bệnh dịch lười », khoa giáo dục thanh niên phải áp dụng phương pháp của y học: luyện tâm hồn rất mạnh, gây cho tinh-thần một nghị-lực bền dấn để chống với dự vọng và chịu đựng những cuộc xô sát với chúng, để hoạt động theo lẽ phải, lương tri và lương tâm.

Ta đã xét phương-pháp áp dụng cho cá nhân để rèn nghị-lực: tức là *phương-pháp Trầm tư với sự tiếp xúc của Hành động và Hoàn cảnh trong sạch.*

Việc giáo-dục thanh niên phải dựng trên phương-pháp ấy.

Một lỗi lớn trong nền giáo-dục hiện thời ở nhiều nước là lối giáo-dục chủ về lý trí chuyên việc chau dòi tri thức bằng cách « nhồi » vào sọ những môn học rất phức tạp. Người ta chỉ cần cho con trẻ biết thật nhiều, chứ không rèn óc suy nghĩ của chúng. Lối giáo-dục đó tất nhiên sao những sự hoạt động của thiếu niên. Đó là lối giáo dục thụ động. Học trò chỉ thu nhận chứ không tìm tòi sáng kiến để hành động. Không chú ý đến sự hoạt động, nó không rèn cách thiết thực, nó không rèn các những bản năng hoạt động của thiếu niên và theo rồi những hành động của chúng.

Cũng vì vậy, mà ngoài giờ dạy ở trường thiếu niên bị bỏ rơi ở ngoài phố với những dự vọng sôi nổi, một trí óc bở-ngỡ và tò mò. Người ta không gây những hoàn cảnh tốt lành cho sự phát triển những năng lực hoạt động của con trẻ.

Với nền giáo dục đó, thiếu niên không ưa và không biết suy nghĩ, dự vọng của họ lảng lém và sâu sắc thêm; chúng tiềm nhiễm thói tệ của những hoàn cảnh xấu; chúng không hoạt động sau những cuộc suy nghĩ tường liệt mà chỉ hoạt động theo sức sai khiến của dự vọng.

Vấn-đề cải cách giáo dục là một vấn-đề sinh tử của nòi giống. Những cải cách nửa chừng chỉ có hại. Phải thay đổi hẳn nền móng của cái lâu đài lung lay ấy nó chỉ còn lớp sơn ngoài bóng nhoáng.

Nền giáo-dục mới phải chủ ở sự rèn đức tính khí. Nó phải gây cho cá nhân một bản lĩnh mạnh để hoạt động dưới quyền thống trị của tinh thần,

Nó phải luyện cho thiếu niên ưa và biết suy nghĩ; một hành động nào cũng là sự phát

triển mạnh mẽ của những cuộc suy nghĩ châu đảo: Những giờ tập nghĩ quan hệ như những giờ học bài.

Nó phải rèn các những năng lực hoạt động của thiếu niên: những môn học thủ công, những cuộc chơi có tổ chức... đều là những môn cần thiết.

Nó phải theo rồi những hành động của thiếu niên trong học đường cũng như ngoài buổi học; nó phải gây những hoàn cảnh tốt lành cho đời hoạt động của chúng bằng những tổ chức điều khiển (1).

## Phương pháp giải cứu:

### CHẾ ĐỊNH TOÀN QUỐC CHỈ-HUY

Khi bệnh dịch lười đang hoành hành ở một dân tộc thì việc cải cách nền giáo dục không đủ để cứu vãn tinh thần vì hiệu quả của nó phải đợi ở thế hệ sau. Công cuộc bài trừ là một việc cấp bách.

Để chống lại những đội quân dự vọng chúng đã reo rắc nạn dịch lười, — sức riêng từng người đã hầu kiệt, — phải hợp nhất những lực lượng còn lại của cá nhân, tổ chức quần chúng thành những đoàn có huấn luyện, có kỷ luật, do đoàn-thể chỉ-huy.

Ngay cả ở thời « thái bình » (nạn dịch lười chưa phát), chế độ « toàn quốc chỉ huy » cũng cần thiết như việc rèn đức tính khí. Nó rất có lợi cho cá nhân trong việc nung rèn nghị lực. Nó vừa là khoa giải cứu lại vừa là khoa phòng bị « bệnh lười ». Phương pháp cũng vẫn là một: phụng sự một lý tưởng do những cuộc suy nghĩ đã tạo nên, hoạt-động theo những cuộc suy nghĩ về lý tưởng đó; — trong những hoàn cảnh tốt lành.

Với chế-định toàn quốc chỉ huy, người ta gây trong các đoàn lập ra để dón vào khuôn tất cả dân chúng, một ý lực chung mạnh mẽ và to rộng, có thể nâng đỡ và kích thích ý lực của cá nhân trong những lúc mềm yếu.

(Xem trang sau)

Vả lại, là phần tử của một Đoàn, cá nhân sẽ luôn luôn cử động theo nhịp điệu của Đoàn-thể; như vậy, dầu không muốn, tự nhiên cũng sẽ cảm thông được với ý lực chung, để tránh một cách dễ dàng sự xa ngã gây bởi dục vọng và hưởng những khoái lạc cao quý của một đời sống trong sáng.

Nhân loại ngay từ lúc bắt đầu họp thành xã hội đã tổ chức đời sống tinh-thần theo những nguyên tắc đó. Những cương thường, những tôn ti trật tự là những khuôn khổ dựng sẵn để nâng đỡ dân chúng và diu dắt họ trên đường chính đạo.

Dưới chế độ quân chủ (trong hồi thịnh), Thiên tử không phải chỉ là vị chúa tể trong việc chính-trị và hành chính, Thiên-tử là bậc thánh, mệnh danh Thiên-đạo mà thực hành Nhân-đạo trong bọn thần dân.

Có những thời đại và những xã-hội mà việc chỉ huy tinh thần quần chúng do tôn giáo tổ chức. Ở nhiều nước hiện thời việc tổ chức đời sống tinh thần của Đoàn-thể thực hành theo những quan niệm khác về nhân sinh và đạo lý, dùng chủ nghĩa quốc gia, nòi giống hoặc cần lao làm căn bản (2).

Tuy nhiên theo lẽ biến hóa, quan niệm và lối tổ chức có tùy thời, tùy hoàn cảnh mà thay đổi, nhưng nguyên lý vẫn là một: điều khiển đời sống tinh thần của Đoàn-thể theo một thống-hệ hợp với một lẽ đạo, để diu-dắt mọi người theo con đường phải có lợi cho cá nhân và Đoàn-thể.

Lịch-sử đã tỏ rõ: khi đời sống tinh-thần của Đoàn-thể mà kém tổ chức, thì tức khắc tâm hồn quần chúng bị suy nhược và bọn quân dục vọng nổi lên áp chế! Trái lại khi nạn binh lửa bó buộc Đoàn-thể phải thi hành những chính sách nghiêm-khắc, bắt cá nhân phải kiềm chế những dục vọng và chịu những hi-sinh khó khăn, thì tinh-thần dân chúng lại mạnh.

Cũng vì lẽ đó, nhiều nước đã dùng «chế định toàn quốc võ luyện» để tổ chức đời sống tinh-thần của quần chúng. Tuy nhiên có những lối tổ chức khác — tỉ như lối tổ chức Hường-đạo — có thể gây một đời sống tinh-thần mạnh mẽ mà không có tinh cách võ bị và hiếu-chiến.

Có người nghĩ «Chế-dịnh toàn-quốc chỉ huy» là sự kiềm-chế nhân-quyền và tự-do cá-nhân. Nhưng, trái lại thế (trừ khi nó biến thể thành lợi khí của một đảng-phái), chế-dịnh đó là phương pháp duy nhất để rèn mạnh tinh-thần

của dân tộc, giải thoát tinh-thần ra khỏi vòng câu-thúc của dục-vọng và đưa lên con đường chính đạo quang minh tức là đời sống tự-do của tinh-thần.

Cũng vì nhiều nước hiểu nhầm nhân-quyền và tự-do cá-nhân, sao nhãng việc tổ-chức đời tinh-thần của đoàn thể mà tâm hồn đã bị suy nhược dưới sự áp chế của dục vọng.

■

Rèn đức tính-khí thiếu-niên bằng một nền giáo-dục thích-hợp, tổ-chức đời tinh-thần dân chúng, đó là phương pháp cải-tạo tinh-thần đoàn thể.

*Song sự cải-tạo đó chỉ có kết quả khi có những người tài-đức đảm nhậm.*

Những người chỉ huy trong học-đường và các đoàn tổ-chức dân-chúng là những sĩ-quan trong đạo quân bài trừ «BỆNH LƯỜI».

Như những nhà bác-học coi rẻ tính mệnh trong việc khu trừ một bệuh thời khí, những «sĩ-quan» đó phải có lòng dũng-cảm và chí hi-sinh tuyệt đối. Họ phải tu luyện theo một kỷ-luật nghiêm-khắc, hi sinh mọi hạnh-phúc tâm thường để giữ linh-hồn trong sáng như gương và phụng sự một lý-tưởng siêu-việt, đem hết tâm lực mà làm trọn cái sứ mệnh rèn đức thanh-niên trong học-đường và chỉ-huy đoàn-thể trong những tổ-chức quần-chúng.

Về thời Xuân-Thu, bên Tàu, trong khi mọi nước chur-bâu sâu xé nhau, cương thường đổ nát, thiên hạ lăm than. Khổng Phu-Tử đem phát minh cái đạo của thánh-hiền, lập thành một học thuyết có thống hệ, lấy nhân nghĩa lễ trí làm căn bản, lấy cương thường mà hạn chế nhân dục để giữ cái trật tự ở trong xã-hội cho vững bền. Ông chu du thiên hạ trong hơn 30 năm, chịu bao hiềm nghèo, để mong cứu vãn thế-đạo. Tuy không tới kết quả song chí cương quyết và nhẫn nại tâm-hồn đạo đức của ông, ai cũng thán phục. Ông lập được một đạo, đạo của người «Quân-tử». Hơn ba nghìn học trò theo học và 72 môn-đệ tài giỏi đem đạo ấy thi-hành và truyền bá trong dân dan.

Ở nước Pháp, trong thời Phong-Kiến, xã-hội cũng đời bại vì bọn công-hầu tranh hùng tranh bá và tàn sát lương dân, Đê cải-thiện nhân-tâm, Giáo-hội đứng ra lập «Hiệp sĩ Đạo», rèn luyện con cháu các nhà quý tộc theo một lý-tưởng cao siêu: phụng sự Thiên-Chúa và hành đạo cứu nhân độ thế. Phong tục lâu dần thuần túy, và Hiệp-sĩ-đạo là một nguyên cơ trong những nguyên cơ khác làm chế độ phong kiến tiêu diệt,

Về cuối thế-kỷ thứ 16 và đầu thế kỷ thứ 17, trong khoảng năm sáu mươi năm giới, xã-hội

(1) (2) Xem những bài khảo cứu về «Giáo dục thanh niên ở nước ngoài» trong T. M. Août, Septembre, Octobre, Novembre 1941.

Pháp lại lâm vào cảnh suy nhược về tâm hồn vì lớp sóng dâm-dăng và vô đạo lối cuốn dòn chúng, gây bởi sự hỗn loạn về chính trị và đạo giáo bởi ảnh hưởng một phong trào văn-nghe và tư tưởng giải-phóng cá nhân ra ngoài những kiềm chế cũ, bởi sự say sưa về những chiến-thắng của học-vấn sau thời Phục-hưng.

Trước cảnh suy vi ấy, một số người đứng ra lập một phái trong đạo gia-tô, phái Jansénistes phát minh cái học-thuyết của ông Jansénius, giám-mục ở thành Ypres bên nước Bỉ, dựng giáo-đường và trường học, để truyền bá một đạo rất nghiêm khắc, và rèn luyện nghị lực người ta chống với dục vọng và thực hành lễ phải.

Đạo Jansenisme tuy phải chịu nhiều sự ngược đãi của Giáo-Hoàng và nhà vua, mà vẫn bền gan trong việc cải hóa nhân tâm và đã gây một ảnh hưởng tốt lành trong dân chúng.

Cũng vào khoảng thời ấy, ở nước Anh, một nhóm người phái Puritains, lập một phái đạo còn khắc khổ hơn đạo trên : Chính phái đạo này đã gây cuộc cách-mệnh chính-trị và xã-hội năm 1648 đánh đổ sự chuyên quyền của nhà vua và cải-tạo phong hóa đời trong nước, Phái Puritains về sau cũng bị ngược đãi nhưng ảnh hưởng của đạo đó đã xâu xa trong đời sống tinh-thần của nước Anh.

Ta đã thường nghe thấy nói tới một Đạo ở bên Nhật-Bản chủ ở sự rèn một tâm-hồn cứng mạnh, đề phụng sự Thiên-Hoàng và Danh dự : Võ-sĩ-đạo. Ảnh-hưởng của đạo đó tất nhiên là tốt lành cho đời sống tinh-thần của dân-tộc phù-lang.

**XÉT** như vậy thì việc cải-tạo một quốc-gia phải bắt đầu bằng việc *cải-tạo tinh-thần dân-tộc* đó. Những cải-cách về chính-sách sẽ đến sau. Khi trong một nước, nạn nghiện rượu đã lan rộng thì một đạo luật cấm rượu và xũ-lũ (1) những người nghiện cũng chỉ có hiệu quả như một «nhát gươm chém xuống nước» nếu tinh thần của dân chúng chưa được cải hóa

Muốn cải-tạo tinh-thần suy nhược của một dân tộc, phải làm hai việc :

— *Sây lại nền giáo dục, chủ ở việc rèn đức tính khí cá nhân.*

— *Tổ chức đời sống tinh-thần của cả dân-tộc.*

Hai việc đó chỉ có thể làm được, nếu có một

(1) Xem T. N. tháng Juin 1941 Thanh-niên Đoàn ở Pháp.

(2) Xem T. N. tháng Septembre 1941 : « Giáo-dục thanh-niên ở Đức ».

*đội tronj cam-lư đứng ra quan-độc.* Trong cuộc « cách-mệnh quốc-gia Pháp, một việc đầu tiên mà Thống chế Petain đã làm là lập trường rèn đức những người quân đóc thanh-niên (1) (école des Chef).

Những người chỉ-huy trước hết phải tự tu luyện một cách nghiêm-khắc, rèn nghị lực bằng *phương pháp nhập định* với sự tiếp sức của hành động và hoàn cảnh trong sạch, rồi đem áp dụng phương pháp đó trong việc rèn đức tinh-khí của thiếu-niên và điều khiển những đoàn thể dân-chúng.

Họ cần có hai đức tính, dũng cảm và hi-sinh, Muốn vậy họ phải coi việc làm kia như một sứ mệnh đề *phụng sự một lý-tưởng*, một *nhẽ Đạo*. Ở nước Đức, đội trưởng cam-lư là «đội Hiệp-sĩ Sĩ (2) của đảng Quốc-xã» (Les Junkers du Parti) phải tu luyện một cách khắc-nghiệt đề phụng sự chủ nghĩa giống nòi (Racisme).

Dũng cảm và hi-sinh đề hành một Đạo, đội trưởng chỉ-huy đời sống tinh thần của một dân tộc, ta có thể gọi là *đội Trang-Sĩ*. Cái đạo mà họ phụng-sự là :

#### TRÁNG-SĨ ĐẠO

Tráng-sĩ Đạo là Đạo của sức mạnh tâm-hồn Sức mạnh thể chất tự nó không phải là một lễ đạo, Nó chỉ là một điều kiện về sinh-lý đề phụng sự tâm hồn và giúp sự hoạt động.

Tráng-sĩ Đạo là Đạo của lương-tri và lương-tâm. Lòng ngay thẳng như cây thông, tinh khiết như nước suối, lồng lộng như gió ngàn. Hoạt động và yêu đời. Tu thân và **ĐỘ** thể.

Nhưng đó chỉ là một vài hình trạng của Đạo trong thiên hình vạn trạng của nó.

Những hình trạng đó là những phát triển tự nhiên của một siêu-lý, người ta có thể cảm thấy nhưng không giải rõ được : một hạnh phúc tuyệt đối dành riêng cho « con Đạo ».

Về phần siêu-lý Tráng-sĩ-Đạo là Đạo của **nhẽ Sống** : kẻ theo Đạo cảm thấy một thứ gì huyền bí cao-siêu hợp với « Nhẽ sinh sinh hóa hóa bất diệt », nối liền Nhân-Đạo với Thiên Đạo, hòa nhịp với điệu tuần hoàn của Vũ-trụ, với khúc nhạc ca của Muôn-Loài.

Vì thế nó hơn là một lý-tưởng, hơn là một chủ-nghĩa, nó là một Đạo :

#### ĐẠO TRÁNG-SĨ

#### VŨ-ĐÌNH-HỒL

Trong số 16 juin : **Những nền móng của một khoa giáo - dục mới.**

**V**ệ-sinh tối cần cho cá-nhân lẫn quần-chúng. Nhưng nếu ngày xưa, vệ-sinh cá-nhân được chú trọng hơn, ngày nay, vì sự mở mang thành thị, sự giao thiệp một ngày một rộng của mọi người trong xã-hội, vệ-sinh quần-chúng lại được nhiều nhà chuyên môn

# VỆ-SINH Ở THÔN QUÊ

VŨ VĂN-CẢN

chuồng trâu liền với bếp, chuồng lợn ngay đầu nhà. Vại nước đục ngầu bên cạnh cái rãnh bần. Trong nhà tối om; ngõ qua cửa, hai bên chái, thóc lúa dề dầy; ngoài nhà, giường chiếu ngổn ngang; ngoài hiên mấy đũa bé nằm ngủ phơi cái bụng run to tướng.

knảo xét. Không những thế, ở các nước van-minh pháp-luật can thiệp đến những vấn đề vệ-sinh, và công cuộc vệ-sinh được chính phủ nhiệt-liệt cầm đầu hoặc những tư-gia đồng-tâm tổ-chức.

Ở xứ ta, vấn đề vệ-sinh quần chúng lại có một địa vị hệ-trọng hơn nữa. Vì ngoài những công cuộc của chính-phủ đã thực-hành về phương diện vệ-sinh chúng ta còn nhiều điều phải lo và phải làm lắm. Trước hết ta phải nghĩ tới dân quê vì dân quê là đại đa-số của dân ta và là tất cả nguồn sinh sống hiện thời của nước.

## Hiện nay vệ-sinh thôn quê xứ ta đã tới bực nào ?

Nếu ở các thành thị, dân chúng được hưởng nhiều quyền lợi trong các công cuộc y-tế và vệ-sinh của nhà nước, ở nơi thôn quê còn nhiều điều thiếu thốn. Và nếu gần đây, trong nhiều làng của một vài tỉnh đã biết lo việc sửa sang nhà cửa, đường đi; về hình thức đã có phần sáng sủa sạch-sẽ, cuộc sinh sống vẫn theo những tập quán cũ, những lề lối xưa.

Bất cứ về phương diện nào, một du khách vô tình nhất cũng phải đề ý rằng dân quê ta không có một chút vệ-sinh nào :

Ngoài đường cống rãnh không có, nước bần tự đọng, rồi chỗ này chỗ kia rải rác phân người, phân bò, phân chó, mùi hôi thối xông lên, ruồi muỗi bay tứ phía. Thế mà trẻ con vẫn lê-la, bà cụ vẫn ngồi dưới bụi tre phe phẩy cái quạt nan, đuôi đàn ruồi đậu trên mấy bát chè hay mấy chiếc kẹo. Trong một cái ao, nước đã cạn, bèo nở đầy, họ đua nhau lội hụp, rửa rau, vo gạo, mổ gà, làm lợn, người nào việc nấy, thân nhiên không ai để ý đến cái nước bùn nhơ bần kia cả !

Đầy cửa vào một nhà. Nhà cửa — dù có nhà ngói cây mít thì cũng thế — bề bộn vô cùng,

Chị nó, quần áo nhem nhuộm. Thấy khách lạ, còn đương dụi mắt xem ai... Bố mẹ chúng đi làm cả. Chị em ở nhà trông lấy nhau. Nhà có phúc thì chúng khỏe mạnh. Chẳng may nó ốm là lâu chẳng khỏi thì tàn hương nước thối. Chẳng may nữa mà nó chết thì là tại số. Trời cho may mắn mất đứa này, sinh đứa khác....

Tình cảnh là thế. Cuộc đời lúc nào cũng bình thản. Mọi sự là tại trời. Nhưng không phải là họ ngu dốt đâu. Từ xưa tới nay, họ quen sống cuộc đời ấy. Nếu không ai bảo họ cái sai lầm thì sao họ biết mà đổi sửa — Và nếu có ai đem lời hơn lẽ phải dẫn giải từng lời, thì bác lương dân kia dù lương trí có thô sơ đi chăng nữa, cũng phải cảm kích mà phục thiện.

Vậy không có vệ-sinh chẳng qua chỉ là một tập quán từ xưa. Mà cái tập quán ấy cũng như trăm nghìn tập quán khác có thể thay đổi được; Công việc của kẻ thức-thời là tìm mọi cách thích hợp với hoàn cảnh dân quê, dần dần sửa đổi lại tập quán cũ, gây tập quán mới: tập quán sống một cuộc đời vệ-sinh.

## Cách tổ chức vệ-sinh thôn quê

Trước khi trình bày một chương-trình vệ-sinh thôn quê, hãy xin sơ lược về cách tổ chức vệ-sinh hiện thời ở xứ ta.

Theo một tờ trình của ban khảo sát về vệ-sinh thôn quê ở các xứ Viễn-đông năm 1937 tại hội Quốc-liên thì trong các xứ này, cách tổ chức về y-tế và vệ-sinh theo ba quan niệm :

### a) Quan niệm hợp nhất.

Vệ-sinh và y-tế do một cơ quan chủ trương cùng một cơ sở, cùng một nhân viên, cùng một ngân quỹ. Các thầy thuốc vừa trông nom về cách chữa bệnh lẫn phòng bệnh. Theo quan niệm này có Đông-dương và Thái-lan.

### b) Quan niệm phân chia.

Vệ-sinh và y tế do hai cơ quan khác nhau chủ trương. Bên các thầy thuốc lại có những nhân viên chuyên môn về vệ-sinh. Theo quan niệm này có những tỉnh Ấn-độ.

### c) Quan niệm trung gian.

Còn các nước khác như Nam-dương quần đảo, Phi-luật-tân, Ceylan thì cơ-quan quản đốc là một, mà cơ quan thừa hành thì chia hai. Thí dụ như ở Nam-dương-quần-đảo (Java), trong mỗi tỉnh bên những thầy thuốc giữ việc y-tế, lại có những thanh-tra vệ-sinh. Tuy vậy, những thầy thuốc có quyền kiểm-soát công việc vệ-sinh. Càng xuống dưới thang phẩm-trật thì sự phân chia này càng rõ-rệt. Trong mỗi làng có một cơ quan vệ-sinh riêng. Nhân viên là người trong làng. Công việc của họ là đi khám xét và dẫn giải về vệ-sinh cho từng nhà, khuyên-giải nhân dân phòng bệnh tật, tiêm thuốc trừ, trông nom trẻ con và đàn bà v.v...

Nếu quan niệm trung gian này vừa đầy đủ, vừa có ý-nghĩa hơn thì hai quan niệm đầu đều có khuyết-diểm.

Theo quan niệm, hợp nhất, một người làm hai công việc mà đều nặng nề cả tất nhiên không làm được chu đáo, và phần vì họ thuộc về ngạch y-tế nên quên mất phương diện vệ-sinh

Theo thuyết thứ hai, chia hẳn hai ngành ra, trước hết phải có một ngân quỹ khá to. Sau nữa, hai ngạch này tuy có khác nhau về nhiều phương diện song vẫn cần mật thiết với nhau. Vệ sinh trông về sự phòng bệnh. Y-tế giữa việc chữa bệnh. Nếu hai việc ấy không có quyền kiểm soát lẫn nhau, và không có liên lạc mật thiết với nhau, không những không giúp được nhau mà còn có khi thành ra tương-phản. Người chuyên môn vệ-sinh chỉ biết một vấn đề phòng bệnh, quên rằng bên mình còn có thầy thuốc và bên người khỏe còn có người ốm. Vì vậy cần phải có một cơ quan giám-đốc chung cho hai công việc để kiểm soát và dung hòa những hoạt động để mong tìm phương bồi bổ sức khỏe nhân-dân. Đó là một điều mà các đương chức tại Nam-dương quần-đảo đang thì hành trong công cuộc vệ sinh và y-tế xứ ấy.

Vì theo quan niệm hợp nhất nêu ở các nơi thôn quê xứ ta, công việc vệ-sinh và y tế là đều do một người y-tá trông nom. Cả một thị trấn hay huyện mà chỉ có một người y-tá vừa giữ việc phòng bệnh và chữa bệnh thì sao đủ được. Muốn bồi bổ những khuyết điểm ấy, thiết tưởng ngoài những công việc chính phủ, ta cũng nên góp một vài phần. Ở nước nào cũng vậy về những công việc này bao giờ cũng do sự cộng tác của chính phủ và các tư gia. Như thế mới mong mỗi ngày một bành chướng và có kết quả mỹ mãn được. Nhưng dù sao mặc lòng, những công cuộc này cần phải có nhiều người hưởng ứng, đồng-tâm hiệp-lực bỏ tư-lợi

nhỏ lo việc lớn chung, đem sức mạnh của lòng hy-sinh đánh đổi sự kho khan về tiền tài. Bây giờ không phải là lúc ta có thể kiếm một cách dễ-dàng những số tiền « không lỗ » để phụng phí trong những việc công ích. Và sự kinh nghiệm đã cho ta biết rằng những công cuộc hữu ích bằng-cơ vào sức mạnh của tiền tài không phải là những công cuộc trường cửu. Tiền hết, việc tàn, người chán. Nhất là những công việc về vệ-sinh thì lại cần phải là những công cuộc vững vàng bền chặt, cần cứ vào sự hiểu biết và sự nhiệt tâm của đồng bào.

## Nguyên tắc cách tổ chức vệ-sinh thôn quê thế nào?

Tim nhân viên chuyên-môn, tìm vật liệu cần dùng, về nơi thôn quê, thầy dân quê thiếu thốn điều gì về vệ-sinh, làm cho họ san sàng mà « tọa hưởng kỳ thanh » không phải là ngu, ên-tắc dễ gây một công cuộc vững bền.

Dùng oai-quyền, sức dọa nạt bức bách dân quê phải thi-hành những phép vệ sinh cũng không phải là một kế-hoạch trường-cửu.

Cải nguyên tắc cách tổ chức vệ sinh thôn quê là làm sao cho dân quê tự hiểu sự cần thiết của vệ-sinh tự ý muốn bỏ những lễ lỗi xưa, những tập quán cũ, họ tự thấy cần phải sống một cuộc đời vệ sinh như đã tư mấy ngàn năm nay tự thấy cần an no mặc ấm. Khi ấy, họ sẽ tự ý làm hết cách mà gây lấy một cuộc đời mới tuy theo tài lực của mình cũng như họ đã tìm mọi cách để được an no mặc ấm

Xem như vậy ta đã có thể liệt trước được trong chương trình của ta dự định một phần lớn sẽ dành riêng cho « Giáo dục vệ-sinh thôn quê ».

(Còn nữa)

## SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

1) **Khói lửa Phong châu của thiên hạ sấm Hàn Thuyên** xuất bản, giấy 128 trang. Giá 0p.40

2) **Bóng mơ của Tú Hoa** — do Đời Nay xuất bản. Giá 0p.65

Ba cuốn sách hồng :

Tiếng chim ca của J. Van

Tiếng chim ca của Đ. V. Thiệt

Tình bè bạn của chị Hằng Nga và chu chuột nước của Huyền Kiêu

Tội nhân hay nạn nhân của Lan Khai do nhà xuất bản Kiến Thức. Giá 1p 00

Ái Bắc của Thao Thao. Giá 1p 00

Những vai tuồng của các nhà gỗ đầu trẻ của Bùi thế Mỹ do nhà xuất bản Dân Báo ở Saigon

Xin trân trọng cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng bạn đọc  
T. N.

# CHÍNH-TRỊ VÀ KINH-TẾ ẤN-ĐỘ

## Hiến pháp và tổ chức

CỤC chiến-tranh Nhật-Anh-Mỹ đã lan tới biên-thùy Ấn-độ, khiến cho ta phải chú ý đến xứ đó là nơi từ mấy thế-kỷ nay vẫn được coi là trung-tâm-điểm của Đế-Quốc Anh.

Thật ra thì từ lâu « vấn-đề Ấn-độ » đã thành một vấn-đề tối quan-trọng trong nội - chính nước Anh: tuy rằng vài năm nay ở đây ta ít thấy nói đến sự cổ - động « bất hợp-lạc » và những cuộc biểu - tình « bất bạo-động » của thánh Gandhi và tuy rằng ta cũng bắt đầu quen những vụ đàn áp khốc-liệt của chính-phủ Anh, nhưng tại Ấn-độ vẫn ngấm ngấm một sự bất mãn sâu xa chỉ đợi cơ-hội để gây thành những nổi khó khăn về chính-trị.

Người Anh biết như vậy, và trong các nước đồng-minh với Anh — nhất là tại Hoa-kỳ — một phần lớn dư-luận cũng mong Anh giải-quyet cho xong vấn-đề Ấn độ và định rõ tôn-chỉ mình theo để trong hàng đồng-minh và trong Đế-Quốc Anh mọi người đều đồng tâm kháng-chiến.

### **Nhưng vấn-đề Ấn-độ là một vấn-đề rất phức tạp**

Ấn-độ là một thế giới riêng, không thống-nhất về chính-trị, tôn-giáo, ngôn-ngữ, kinh-lẽ và xã-hội.

Trong số 353 triệu dân, thì có 239 triệu theo đạo Ấn (Hindouisme) hơn 77 triệu theo đạo Hồi (mahométisme) non 13 triệu theo đạo Phật, ngoài ra còn các đạo Thiên-chúa, Sikh Do-thái, và nhiều tôn giáo khác chỉ riêng ở Ấn mới có. Về ngôn-ngữ thứ tiếng thông dụng nhất là tiếng *Hindustani* mà chỉ gồm có 121 triệu người còn hơn 230 triệu người thì nói gần ba chục thứ tiếng chính khác nhau đây là không kể các thứ tiếng phụ. Những quyền lợi kinh-tế cũng phức tạp lắm: theo cuộc điều tra năm 1931, thì có 102 triệu làm canh-nông và chăn nuôi, 15 triệu làm kỹ-nghệ, 8 triệu thương mại v. v. còn về xã-hội thì ai cũng biết dân Ấn chia nhiều giai-cấp cách biệt hẳn với nhau.

Ngoài ra, trước khi người Anh đến, Ấn-độ

đã chia thành nhiều nước nhỏ tự-trị hay độc-lập hẳn không phục-quyền chính-phủ trung-ương. Người Anh thu nhập dần những phần-tử dòi dạc đó hoặc bằng cách chinh phục hoặc bằng cách ký hòa ước bảo hộ hay đồng-minh với các quốc-trưởng. Vì thế về chính-trị, Ấn-độ cũng không thống nhất: hiện nay có 17 xứ thuộc quyền cai trị trực-tiếp của người Anh, gồm hơn 263 triệu dân; và 12 quốc gia tự trị hay độc lập cộng 63 triệu dân, ấy là không kể hơn 600 nước nhỏ khác. Về trình độ và dân số, các xứ và các quốc gia ấy không đều nhau. Thí dụ, bên cạnh các xứ Bengal (51 triệu dân) Madras (47 triệu dân) United Provinces (49 triệu) có những xứ như Andaman và Nicobas chỉ có non 3 vạn dân; bên cạnh những nước to như Hyderabad (14 triệu) có những nước như Sikim dân số chỉ hơn một vạn.

Trước tình thế phức tạp về mọi phương diện như thế, tất nhiên cách tổ chức không thể đơn dị được, vì không thể dùng một khuôn khổ độc nhất để dung hòa rất nhiều quyền lợi trái ngược nhau.

Hiện nay cách tổ chức chính-trị tại Ấn-độ căn cứ vào đạo luật do Nghị-viện Anh đặt từ năm 1935 (Government of India Act). Đạo luật ấy rất dài và định rõ từng tiêu tiết về việc tổ chức các cơ-quan chính-trị.

Tóm tắt lại thì Hiến-pháp năm 1935 lập Ấn-độ thành một Liên-bang (Fédération), trong đó có một chính-phủ Trung-ương và nhiều chính-phủ địa-phương tự trị; quyền hạn mỗi bậc đều định rõ và chính-phủ Trung-ương chỉ trông nom đến những vấn đề có liên can đến toàn thể Ấn-độ, như binh bị, tiền tệ, thương-chính, bưu - điện, hỏa - xa v. v. v. Ở bậc Trung-ương hay bậc địa-phương các nhà cầm quyền hành chính cũng đều chịu trách nhiệm trước một nghị-viện dân-cử theo nguyên-tắc chính-thể đại-nghị thi-hành ở Anh.

### **Chính-phủ địa-phương**

Từ ngày 1er Avril 1937 trong những xứ

# chính trị tại Ấn-Độ

VŨ VĂN-HIỆN

thuộc quyền cai-trị trực-tiếp của Anh, quyền hành-chính giao cho một vị thống-đốc thay mặt quốc-vương Anh và có một hội-đồng thượng-thư giúp việc chọn trong nghị-viện hàng xứ.

Nghị-viện đó tùy từng nơi gồm có hai ban (dịch tạm là thượng nghị-viện hay là Legislative Council và hạ nghị-viện hay là Legislative Assembly) hay chỉ có một Hạ nghị-viện (Legislative Assembly).

Hạ nghị-viện toàn thể do dân bầu và có đại-biểu phụ-nữ và đại-biểu các đoàn-thể và các quyền-lợi khác nhau. Trong năm 1937, trong số 263 triệu dân ở các xứ trực-trị thì có hơn 30 triệu cử-tri (12.1.) trong đó hơn 4 triệu là phụ-nữ. Nơi nào có Thượng nghị-viện thì một phần nhỏ nhân-viên viện ấy do chính-phủ cử.

Nghị-viện hàng xứ có quyền xét sổ chi thu hàng năm và có quyền lập-pháp trong phạm-vi đã định sẵn. Hội đồng thượng-thư địa-phương chịu trách-nhiệm về việc hành chính trước nghị-viện.

Trên đây là nói về các xứ cai trị trực tiếp, còn các quốc gia tự trị hay độc lập thì được toàn-quyền định đoạt việc nội chính. Phó-vương Ấn-độ, đại biểu Anh-hoàng, chỉ kiểm soát có vài thứ như tiền-tệ, thương chính, ngoại-giao v...v... Quyền kiểm-soát ấy rộng hẹp tùy theo từng quốc gia; có một ít quốc-vương hàng năm phải nộp cho chính-phủ trung-ương một số thuế nhất định.

## Chính-phủ trung-ương

Theo hiến-pháp 1935 thì quyền chính liên-bang giao cho ba cơ-quan: 1) Phó-vương Ấn-độ, thay mặt Anh-hoàng và do Anh-hoàng chọn; 2) Hội-đồng thượng-thư chịu trách-nhiệm ở trước hội-nghị Liên-bang; 3) và hội-nghị Liên-bang gồm có Hội-đồng Quốc-gia (Council of State) và Nghị-viện (House of Assembly).

Chính-phủ phải hành-động theo chính-sách của đa số trong hội-nghị.

Nhưng những khoản hiến-pháp thuộc về chính-phủ Liên-bang chỉ bắt đầu thi hành khi nào đã đủ hai điều kiện: 1) Có nhờ thỉnh cầu của cả Thượng và Hạ nghị-viện ở Luân-đôn; 2) Có nhờ xin sáp-nhập vào Liên-bang của các nhà cầm quyền những nước tự trị hay độc-lập gồm ít ra là một nửa dân số chung cho các nước ấy và sẽ giữ ít ra là một nửa số đại biểu các nước ấy tại Nghị-viện Liên-Bang.

Hiện nay chưa đủ hai điều-kiện ấy nên chính-phủ trung-ương Ấn-độ vẫn theo một lối tổ-chức tạm-thời: Phó-Vương Ấn-độ do Anh-hoàng chọn trong một hạn là 5 năm, giữ chính quyền, có một ban hành-chính, gồm có bảy viên-chức cao-cấp giúp việc cũng do Anh-hoàng chọn trong 5 năm, mỗi viên giữ một bộ hay một phần về việc cai-trị.

Trong số những người dự vào ban hành-chính bắt buộc phải có ba viên-chức đã làm việc tại Ấn-độ ít là 10 năm và một luật sư đã ở trong nghề cũng ít ra là 10 năm.

Tạm thời, Phó-Vương và ban hành-chính Ấn-độ đều đặt dưới quyền kiểm-soát của vị Tổng-trưởng coi việc Ấn-độ tại Luân-đôn. Vị Tổng-trưởng ấy có một ban tư-vấn giúp việc có từ 8 tới 12 người mà ít ra một nửa chọn trong các người đã ở Ấn-độ. Khi Liên-bang đã thành-lập thì quyền kiểm-soát ấy sẽ hạn-chế và chỉ còn thi-hành trong một ít trường hợp mà thôi, mà rồi ban tư-vấn cũng rút xuống từ 3 tới 6 người.

Hiện nay Hội-nghị Liên-bang chưa thành lập; nhưng bên cạnh Phó-Vương Ấn-độ cũng có một Hội-nghị gồm có một Hội-đồng Quốc-gia và một Viện-lập-pháp có quyền làm luật cho tất cả mọi người sống trong các xứ trực-trị và cho người Ấn bất kỳ ở nơi nao. Hội đồng quốc-gia có 58 người trong đó chỉ có 32 người do dân bầu còn 26 người do chính-phủ cử; tại Viện-lập pháp chính-phủ cũng được

tự-ý chọn 39 đại biểu trong đó có 26 viên-chức, còn 102 đại-biểu thì do cử-tri bầu.

Không những thế khi nào có việc cấp-bách và cần phải giữ cuộc trị-an thì Phó-Vương lại còn có quyền bác ý-kiến của hội-nghị, sau khi đã được Anh-hoàng cho phép và đã báo qua cho Nghị-Viện Anh biết.

Nói tóm lại trong thời-kỳ qua-độ này, dân Ấn không được tham-dự một trực-tiếp và rộng rãi vào các cơ-quan chính-trị trung-ương; bao nhiêu quyền-chính đều tập-trung trong tay Phó-Vương là người có quyền điều-khiển ban hành-chính và chỉ chịu trách-nhiệm với chính-phủ Luân-đôn mà thôi.

Đứng trước những cuộc vận-động chính-trị của người Ấn, chính-phủ Anh hứa sẽ thi-hành chính-sách đã ấn-định trong đạo-luật nam 1935.

Theo đạo luật 1935 thì Ấn-độ sẽ tiến hành một « thuộc - quốc tự - trị » (dominion) như Canada, Australie v... v... Nhưng trái với các thuộc-quốc ấy, là những nước dân số hầu hết là giống người Anh (anglo-saxon), (tại Ấn-độ người da-trắng chỉ có non 14 vạn đối với 353 triệu người Ấn thuộc về nhiều đoàn-thể khác nhau. Vì thế nên ở đây vấn-đề hiến-pháp khó khăn hơn: và để giải-quyết vấn-đề ấy, mỗi chính - đảng có một chương-trình riêng.

### Các chính-đảng và tình-hình chính trị

Nói đến các đảng chính-trị ở Ấn, ta nên biết qua thái-độ người Anh ở đây, vì người Âu châu có quyền cử đại-biểu riêng vào nghị-viện và, ngoài những cơ-quan có tính-cách kinh-tế như các liên-đoàn kỹ-nghệ, các phòng thương mại v. v..., họ còn liên-hiệp thành một đảng riêng có chi nhánh ở khắp Ấn-độ.

Đối với người Anh — và chính-phủ Anh — thì tương lai Ấn-độ đã định rõ trong hiến-pháp 1935: rồi Ấn-độ sẽ thành một quốc-gia trong phạm-vi đế-quốc Anh. Nhưng hiện nay Ấn chưa đi tới được bậc đó, vì người Ấn chưa có thể tự-chủ mà các phần tử ở Ấn cũng chưa hợp-nhất; vả chăng quyền tự-trị ủy cho các chính-phủ địa-phương từ 1937 cũng đã khiến cho dân Ấn định liệu lấy 90 phần trăm các công việc có liên-lac đến sự sinh tồn của mình rồi.

Nhưng do chỉ là những lý nhẽ riêng của người Anh không được quốc-dân Ấn công nhận: các đảng chính-trị người Ấn không

những đồng - thanh công - bố đó là những cơ vu vơ để ngăn-ngừa cuộc tiến hóa của Ấn-độ, mà còn công-nhiên phấn-đấu chống với « chủ-nghĩa đế-quốc Anh » để đi tới một nền *độc lập hoàn toàn*. Đối với họ chính-thê «thuộc quốc tự-trị» không đủ cho Ấn-độ phát-triển đầy đủ.

Đảng to nhất và mạnh nhất của người Ấn là đảng « Toàn-Ấn Quốc-viện » (All-Indian National Congress) đứng đầu là các ông Gandhi, Nehru (có khuynh-hướng xã-hội), Rajendra Prasad, Satyamurthi và Subhas Bose (có khuynh hướng về lối tổ chức độc tài). Đảng có tới 6 triệu đảng-viên, 57 đại-biểu (trong 102 đại-biểu dân-ử) ở viện lập-pháp trung-ương và nắm trong tay tám (trong mười một) chính phủ địa-phương ở các xứ trực-trị. Hầu hết đảng-viên là người Ấn theo đạo *Hindouisme* và thuộc về các giai-cấp xã-hội trên.

Chương-trình của đảng căn-cứ vào sự phản đối Hiến-pháp năm 1935 và yêu-cầu dùng cách phổ-thông đầu-phiếu để cử một hội-nghị lập hiến rồi hội-nghị ấy sẽ tự định đoạt lấy cách tổ-chức tương-lai của Ấn độ.

Khi đảng « Quốc-viện » mới thành-lập thì gồm cả các phần-lử thuộc về thiểu-số ở Ấn. Nhưng sau người theo đạo Ấn tổ-chức các-chán và chiếm đa-số, nên các đoàn-thể thuộc về các tôn-giáo và giai-cấp khác cũng dần dần tổ-chức riêng.

Trong các đoàn-thể thiểu-số có đoàn-thể dân Hồi là quan trọng nhất. Dân Hồi gồm tới gần 80 triệu người, trước kia đã từng cai-trị Ấn-độ và sẵn một lòng tin-ngưỡng mãnh-liệt; vì thế liên-đoàn Hồi-giáo (All-India Muslim League), do ông Jinnah ở Bombay đứng đầu, có thế-lực rất lớn.

Liên-đoàn cũng yên-cầu cho Ấn-độ được độc lập, nhưng cho rằng ở một nước rất phức-tạp về tôn-giáo, chủng tộc và ngôn-ngữ như Ấn-độ, đem thực-hành nguyên-tắc dân-chủ bằng sự đầu-phiếu là một điều sai-nhầm, vì như thế sẽ đem cả sinh-mệnh, tài-sản, danh-dự của thiểu-số mà phó-thác cho đoàn-thể đông nhất. Liên-đoàn hết sức phản-đối cả lối tổ-chức trung-ương và lối tổ-chức địa-phương theo hiến-pháp 1935, vì lối tổ-chức theo chính-thê đại-nghị ấy làm cho chính quyền luôn luôn ở trong tay đa-số trong nghị-viện, là dân theo đạo Ấn.

Theo những cuộc đàm-luận gần đây giữa ông Jinnah (đại-biểu Hồi-giáo) và các ông Nehru và Rajendra Prasad (đại-biểu đảng

quốc-viện) thì tôn-chỉ của liên-đoàn Hồi-giáo là tổ-chức dân Hồi thành một đoàn-thể riêng được bình-quyền đề hợp-tác với đoàn-thể Ấn-giáo, mà hiến-pháp Ấn-độ sau này cũng sẽ phải tìm cách bảo-đảm để giữ cho thăng-bằng những quyền-lợi của những đoàn-thể ấy.

Theo dự-luận người Ấn thì sự chia rẽ giữa dân Ấn-giáo và dân Hồi-giáo không xâu sa đến nỗi hai bên không thể hợp-tác với nhau được; chẳng qua người Anh chỉ vin vào sự chia rẽ đó để bác những điều yêu-cầu chính-đảng của Ấn-độ, cũng như họ thường nói rằng phải tôn-trọng quyền-lợi của quốc-trưởng các nước bảo-hộ hay tự trị nên không thể uring cho dân Ấn dùng cách phổ-thông đầu-phiếu để lập một hội-nghị lập-hiến.

Dẫu sao, sự phản trái giữa chính-phủ Anh và các chính-đảng Ấn, nhất là đảng Quốc-viện vẫn là điều khó-khăn nhất trong vấn-đề Ấn-độ,

Từ khi xảy ra chiến-tranh sự phản-trái ấy càng rõ rệt.

Đầu tháng chín năm 1939, ngay sau khi Anh tuyên-chiến với Đức, phó-vương Ấn-độ là Nam tước Linlithgow liền tự-ý tuyên bố rằng Ấn-độ sẽ đem cả tài-sản và sinh-mạng để giúp vào việc kháng-chiến.

Nhờ tuyên-bố ấy được quốc-trưởng các nước tự-trị tán thành, nhưng đã gây nên một phong-trào phản-đối trong các chính-đảng Ấn: theo các chính-đảng đó thì chỉ khi nào Ấn-độ đã có một chính-phủ chịu trách-nhiệm với dân thì Ấn-độ mới tham-dự chiến-tranh, tuy rằng dân Ấn vẫn tán-thành sự kháng-chiến của Anh và không làm điều gì để ngăn cản sự kháng-chiến ấy; không những thế, họ còn yêu cầu chính-phủ Anh phải nói rõ rằng trong mục-đích kháng-chiến có sự giải-phóng cho dân-tộc Ấn, vì nếu chỉ dự chiến để giữ vững cho nền dân-chủ và tự do ở Âu-châu thôi thì Ấn không có lợi gì mà dự-chiến.

Trước sự phản-đối ấy, chính-phủ Anh liền bắt những lĩnh-tự Ấn và chuốt nội-các địa-phương trong bầy xứ tự-trị do nhân-viên đảng Quốc-viện đứng đầu.

Nhưng chính-sách đàn-áp không công-hiệu gì và không được các nước đồng minh với Anh tán-thành (ở Mỹ chính-sách ấy bị công-kích hết sức) nên sang giữa năm 1940 thì chính-phủ Anh đổi thái-độ: tháng 8 năm ấy, khi bắt đầu cuộc tấn-công của Đức sang Anh, Phó-vương Ấn-độ liền mời các chính-đảng tham-dự vào ban hành-chính trung-ương, và hứa đợi khi

chiến-tranh xong thì sẽ bàn lại vấn-đề hiến-pháp Ấn-độ.

Nhưng đang Quốc-viện từ chối và vẫn phân-đấu theo chương-trình của mình, vì ban hành-chính hiện thời hoàn-toàn ở dưới quyền Phó-vương và chỉ là một ban tư-vấn cho Phó-vương mà thôi.

Muốn giải-quyết vấn-đề Ấn-độ, sang đầu năm 1942, Phó-thủ-tướng Anh là Stafford Cripps được cử làm đặc-sứ sang hội-đàm với các chính-khách người Âu và người Ấn. Nhưng cuộc hội-đàm ấy chưa có kết quả gì và ông Cripps vẫn chưa quyết-định được các lãnh-tự người Ấn tham-dự vào cơ quan binh bị và chính-trị tối cao của người Anh ở đây là « Hội-đồng phòng-thủ Thái-bình-dương ».

Vừa đây quay về Luân-đôn, nói ở Hạ Nghị-viện Anh, ông công-bố rằng vẫn tin rồi sẽ giải-quyết thỏa-mãn được vấn-đề Ấn-độ.

Theo những tin vẫn tắt gần đây thì cách giải-quyết ấy sẽ căn-cứ vào hai nguyên-tắc: Ấn-độ sẽ ở trong phạm-vi đế-quốc Anh và người Ấn sẽ tham-dự vào các cơ-quan điều khiển công-cuộc kháng-chiến.

Nhưng ta không có tin gì rõ về thái-độ các chính-đảng ở Ấn và không biết cách thực hành những nguyên-tắc kể trên sẽ ra sao vấn-đề Ấn-độ vẫn là một vấn-đề rất khó-khăn.

V. V. II.

---

## TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60.

Mandat mua báo gửi cho:

Mme THUY AN

Journal Đàn Bà

76, Wiélé — Hanoi

---

Vi một lễ riêng, bài đăng nói « Kỷ niệm Phan-Thiết » hoãn lại tới kỳ báo 1er Juin 1942.

HOÀNG XUÂN-HÃN

Toán-học đã tiến đến một trình độ quá cao, người thường không thể lường được. Những khoa-học khác nghiên-cứu những vấn-đề có liên lạc với sự biết của công chúng. Còn toán-học chỉ nghiên cứu những điều mà chỉ cần trí não nghĩ ra. Vậy nên những nhà bác-học về toán-học đối với thiên-hạ đều không ai biết đến. Mà có kẻ muốn tán-dương tài họ cũng chỉ đạt đến những người đã học toán-học tới một trình độ khá cao.

Công chúng ít ai biết rằng những kẻ đã phát-mình ra được những điều mới lạ ở toán-học là những kẻ có khối óc sáng láng lỗi lạc khác thường. Nhất là khi nào những kẻ ấy lại còn ít tuổi.

Ở Pháp, về thế kỷ vừa qua, có một người vào hạng kỳ-tài ấy. Thế mà mới 20 tuổi đã mang hận xuống suối vàng một cách rất là thảm thê và vô lý.

Ông tên là Evariste Galois (Galoa), sinh nam 1811, hồi vua Napoléon còn đương làm chúa tể cả toàn Âu ; nhưng mà mồm cách-mạnh dân quốc cũng còn ngậm mồm trong các nước. Bố mẹ ông là người học rộng, thích ý tưởng cộng-hòa. Còn ông sinh ra hồi loạn. Hết chính thể Hoàng-đế sang chính thể quân-chủ. Hết Napoléon bị đày rồi lại Louis XVIII lên ngôi. Sự học hành của ông vì vậy mà bị trắc trở.

Lúc 12 tuổi, mới nhập trường. Ở trường gặp ông hiệu-trưởng rất là nghiêm ngặt. Bấy giờ, vì chính-thể trải nhiều lần thay đổi, nên trong dân chúng và đám thanh niên hay có kẻ tuyên truyền chủ nghĩa cách mạng. Quy tắc ngặt, bài vở chán, nên cậu bé Galois học hành chềnh mảng. Các thầy giáo ai cũng cho cậu là một bé tầm thường mà lại hay quấy. Nhưng cậu thích môn toán-học. Đọc sách toán-học khó mấy cũng hiểu.

Mới 14 tuổi, mà các môn khó của toán học như giải-thích, vi-phân, ông đã lĩnh thông. Ông tự biết mình hơn cả các anh em bạn mà lại còn hiểu hơn các ông giao nữa. Ai ai trong trường cũng cho ông là một người tự

phụ và gàn dở. Cuối năm, trong kỳ thi tất niên, ông được phần thưởng cao. Ai cũng ngạc nhiên.

Tự bấy giờ, ông rất tự đắc : chỉ làm le học chóng đề độ tài với các bậc toán-học đại danh ở thời bấy giờ. Mà thực vậy, mới 16 tuổi, ông đã tinh thông hết cả những môn toán-học, và đã tự tìm thấy nhiều vấn-đề khó giải. Ngoài sự học, ông vẫn thích tự-do, tự-lập và thích sự vinh-quang.

Muốn đạt được mục đích, chỉ bằng vào trường Bách-nghệ ở Paris đã nổi tiếng là nơi đào tạo phần nhiều các nhà khoa-học trứ-danh, và lại là nơi trí-thức còn nhớ công-trạng Napoléon và muốn chống với họ Bourbon.

Năm 16 tuổi, ông thi vào trường ấy. Bị hỏng. Ai cũng lấy làm lạ ; vì bấy giờ ai cũng chịu ông có kỳ tài.

Hông, ông về học lại. May được một ông thầy đề ý đến và khuyến khích ông. Ông 17 tuổi. Đương còn học ở trường bé, mà ông đã viết mấy bài luận-thuyết trình viện Hàn lâm. Ông Cauchy một nhà toán học trứ-danh hiện thời, đánh mắt bài luận-vấn của ông. Nên tài của ông bị vùi dập. Ông càng oán những kẻ có quyền vị cao.

Năm 18 tuổi, ông lại thi vào trường Bách nghệ. Theo lời ông Bell (1) thì « những người không đáng gọi bút-chì cho Galois lại đi chằm ông » nên làm ông hỏng một lần nữa. Sự hỏng thi này làm chấn-động dư luận trong mấy mươi năm, Galois vào vấn-đáp gặp một quan trường cãi nhau với ông về một vấn-đề toán học. Ông nói phải, quan trường trái, nhưng cố cãi lấy được. Ông nổi giận, lại thấy sắp hỏng, tay sẵn cầm dẻ lau bảng, ông ném dẻ vào mình quan trường!

Hông một cách vô lý, ông đã oán đời, lại vừa trong nam ấy, bố ông làm thị-trưởng

(1) E. T. Bell, tác giả-quyền : « Những nhà toán-học trứ-danh. »

ở Bourg-la-Reine bị phai bảo thu đạt chuyen vu oan nên tức đến tự tử.

Trong lòng đau đớn, ông Galois vào trường Sư-phạm học nghề dạy.

Năm 1830, ông 19 tuổi, ông thảo may bài luận-thuyết giải về những vấn đề-rất khó, ông trình viện Hàn làm đề thi giải thưởng lớn. Người phải xét tờ trình ông mang bài ông về nhà rồi chết mà bài của ông cũng mất theo.

Sự rủi lãn này là thứ tư. Lòng oán đòi ông càng bằng bột, ông đeo mình vào cuộc cách-mạnh chính-trị.

Lúc bấy giờ, nước Pháp vừa có cuộc cách-mạnh thứ hai. Vua Louis Philippe lên ngôi. Phái cấp-liên là phái của ông cực lực phản đối, ông bị đuổi ra khỏi trường Sư-phạm.

Cùng kể sinh-nhại, ông mở lớp dạy tư mà dạy toán những thuyết của ông mới phát minh cả. Ông bây giờ 20 tuổi, học trò không ai đến, ông phải đăng vào đội lính pháo-thủ, nhưng tài toán học ông ai cũng đã hay. Có ông Poisson ở viện Hàn-làm xui ông nên làm bài dự thi giải thưởng lớn khoa học, ông nghe lời. Nhưng chính ông Poisson đọc vội vàng bài luận-thuyết nên đã đề-nghị rằng : « bài này không thể hiểu được ». Thế là ông Galois thất bại một lần nữa. Mà cũng là lần cuối cùng. Vì rằng những sự rủi ro những sự hững hờ của người ăn trên ngồi trốc đối với một kẻ đại tài như ông, làm cho ông chắc bụng rằng cái chính-thể sinh ra những sự tệ ấy là một chính thể phải đánh đổ đi. Nên ông bước mau vào đường cách-mạnh kịch-liệt.

Năm ông 20 tuổi (1831) vì nói phạm tới vua Louis Philippe, ông bị bắt giam, nhưng quan tòa tha. Chẳng bao lâu, số liêm phóng chính trị bắt giam ông trở lại.

Năm 21 tuổi, ông được tha. Liền có chuyện xích mích vì tình với hai người ở phái địch. Tội này liền thách ông đấu súng, ông tuy không muốn, nhưng vì danh dự, ông phải nhận lời. Ông như có tiên-giác, biết sắp sửa chết, nên lật đặt viết thư tuyệt bút và suốt đêm ngày 29 tháng nam nam 1832, ông viết tờ di-chức về toán-học.

Ông viết lấy viết đề Ý tưởng tuôn ra như nước lũ mưa rào, mà thì giờ ngắn ngủi, tâm-sự ngồn ngang. Trong mấy trương giấy còn lại ngày nay, ta còn thấy chữ ngoắt ngoèo « Viết không kịp, viết không kịp »

thình thoang xen vào trong lừi ky-ức những sự phát minh lỗi lạc về toán-học.

Y như lời ông Bell bình-luận : « những điều mà ông Galois chép lại trong mấy giờ trước lúc chết làm cho biết bao nhiêu đời toán-học phải hồi hộp trong mấy trăm năm. »

Rạng ngày 30 tháng nam nam 1832 Người ta thấy Galois nằm ở bãi cỏ, bị thương ở bụng. Được mang vào nhà thương nhưng sung ngày sau thì chết. Xac chôn vào lỗ chung của nghĩa-địa công.

Nay chàng còn gì ghi nhớ cái thân hình của Galois. Duy chỉ có những thuyết ông phát minh, một vài bài luận-van mà sau khi thất-bại mấy lần vì so phạn, ông còn để lại nưon anh em bạn đệ tri-h viện Hàn-làm !

Những sự nghiệp trước-tac của ông còn lại chỉ vắn vắn năm năm trên hơn sau mười trang giấy, phát-triển từ 17 đến 20 tuổi, và viết trong mấy tiếng đồng hồ ! Thế mà cũng đủ tỏ rằng ông là một thiên-tài lỗi lạc.

Nếu ông không bị hoàn-canh xui nên mệnh yểu, sống được lâu dài thì không biết sự-nghiệp ông đến ra sao ? Hay là những kỳ-đồng như ông, những thiên-tài như ông chỉ chời lợi một lúc mà thôi. Về van chương, ở Pháp có ông Rimbaud cũng là một bậc di kỳ ; thì van tuyệt diệu chỉ viết ở thời kỳ 20 tuổi ; và về sau chỉ là một người lai buon.

Sự chưa xảy ra, ta không biết thế nào mà lường. Ta chỉ tiếc con người « hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời ». Đọc đến chuyện Galois, ta không khỏi nghĩ đến một bậc thiên-tài nước ta là Cao-bá-quát. Bền toán-học, bền văn-chương ; bền trời Âu, bền đất Á. Nhưng thiên-tài cũng thiên-tài cả. Mà số phạn cũng đều rủi ro. Công danh cũng đều trắc trở. Hai bên đều bị cái ngu đàn của tội phạm-phu, cái hủ bại của người cầm vận-mệnh nước làm cho sự rủi ro dễ xảy, làm cho ánh hào-quang bị lu mờ, làm cho kẻ đáng lẽ có thì giờ chuyên sản-xuất những kỳ-công đến phải phẫn-uất đem mình đeo vào việc mưu tính xoay-thời-cực mà mang vạ.

Nghĩ cho kỹ, thì sự thất-bại của Galois và của Cao-bá-quát cũng đều bởi có tài mà quá cậy tài. Nhưng đối với kẻ đa tài, ta cũng không nên đem tai lầm thương mà phanđ oán. Vì kẻ đã có trí xuất chung thì tinh tinh co ra ngoài khuôn sáo cũng chẳng lạ gì, và người đời khó lòng lay tâm mắt kẻ lùn mà đo ngọn núi Thái-sơn được.

# TRU'ÔNG CAO-DẪNG THỀ-DỤC

(ÉCOLE SUPÉRIEUR D'ÉDUCATION PHYSIQUE DE L'INDOCHINE E. S. E. P. I. C.)

TÀU Hanoi — Saigon đỗ ở ga Mùng-Mán vào khoảng 7 giờ sáng. Chúng tôi khuôn và hành lý sang chuyến tàu khác đi từ Mùng-Mán vào Phan-Thiết. Sau nửa giờ xe hỏa, qua những đồng khô đất trắng chúng tôi tới ga Phan-Thiết. Ở ga đã đứng chờ sẵn một huấn luyện viên người nam của trường, anh Long, trong bộ quần áo short màu chàm. Trông thân thể nở nang, mặt và chân tay hồng đỏ của chàng thanh niên lực sĩ ấy, tôi đã nhận ra là người của trường Thề Dục rồi.

Nhà trường có cho mang xe hơi camionnette xuống đón. Chúng tôi đang đói, ra khỏi ga là vào ngay hàng quà đầu tiên ăn «phở tiểu» và «nem miền nam», và nhấp vị trà lạ của Phan-Thiết.

Xe hơi dẫn chúng tôi đi vụt qua vài phố đông đúc rồi theo con đường đất quanh co lên dốc, chúng tôi thẳng tới trường ở trên đỉnh đồi.

Chúng tôi khuôn và lấy nào hòm, nào va ly, nào đồ, bắt đầu làm việc bằng tay chân của mình. Nhà ở của chúng tôi ở sát gần bờ hồ. Mọi người mang hành lý vào, đặt trên chiếc trống tre sẽ dùng làm giường ngủ. Dưới chân giường là cát. Trống kê cách nhau hơn một thước, gian nhà là một buồng ngủ dài. Nhà trường phát cho chúng tôi mỗi người một cái chăn dạ nặng và lớn, một cái màn chắn muỗi màu nâu vừa để che chiếc trống và một cái chậu gỗ tròn, hai chiếc đèn dầu dĩa để thắp ban đêm. Không có bàn trên để lọ hoa, không có ảnh ở tường! Thật là một cuộc đời mới, gần tạo vật. Muốn viết thư thì hãy chịu khó lam một chiếc bàn «Robinson Crusoe» bằng mảnh tre ghép lại! Đây là chỗ tập luyện thân thể, đầu phải là nơi làm văn thơ!

Trời nắng trang trang, trên sân này các bạn trẻ đang nhặt lá, kiếng tre, súc cát trong giờ «boulot». Sân vận động của nhà trường rộng bát ngát, với vòng chạy đất đỏ, với công lớn (portique) có treo cầu và thang, với nhưng

dụng cụ xếp đặt có trật tự. Ở nẻo sân vận động, đằng xa có bóng núi xanh, có những miền cây rậm rạp và có một mũi bễ nằm dài ở chân đồi mờ mờ.

Trường Cao đẳng thề dục Phan Thiết mới nhận học trò từ tháng Septembr 1941. Hạn học mỗi khóa là 3 tháng. Khóa đầu hết vào cuối tháng Novembre 1941. Nhà trường nghỉ trong tháng Décembre và khóa thứ hai giầy từ đầu tháng Janvier tới cuối tháng Mars 1942. Theo dự định thì nhà trường sẽ xây bằng gạch, nhưng hiện thời trong lúc đợi chờ, sự ăn ở trong trường còn tạm sơ sài. Các học trò đều ở nhà lá mà buồng làm việc của ông hiệu trưởng, của các sĩ quan thủy binh trông coi việc nhà trường, phòng khám bệnh, dưỡng bệnh, cũng đều dùng nhà lá cả.

Trường C.Đ.T.D. Phan-thiết hiện thời đặt dưới quyền quản đốc của sĩ-quan thủy quân Moreau. Giúp việc ông có bác sĩ Barada, có các sĩ quan thủy binh, hoặc làm giám thị, hoặc làm huấn luyện viên. Các huấn luyện viên người Âu phần đông là thủy quân.

## Đời sống của các học trò.

5 giờ 15 sáng kèn đánh thức mọi người giầy để họ sửa soạn ra tập. Vào khoảng 6 giờ kém năm một hồi kèn nữa gọi học trò ra sân xếp hàng theo thứ tự mỗi đoàn để chào cờ. Một người học trò kéo cờ cho lên tới đầu cột cao trong khi một tên lính thổi bài kèn chào. Cờ kéo xong, một huấn luyện viên quay lại phía học trò, đứng thẳng hô: ESEPIC; học trò giả nhời: PRESENT (có mặt ở đây); SERVIR (phụng sự), học trò giả nhời: TOUJOURS (luôn luôn).

Từ 6 giờ đến 8 giờ sáng, các học trò làm việc liên liên. Thường thường thì trong 2 giờ ấy một giờ dùng để luyện tập thân thể về đủ các môn (entraînement physique général), và một giờ học các lối vận động để dạy trẻ (leçon d'enfant).

# DÔNG-DU'ÔNG Ở PHAN-THIỆT

của ĐINH GIA-TRINH

8 giờ kèn báo đến giờ ăn điểm tâm buổi sáng (casse-croute). Phải ăn vội vàng lên! 8 giờ 15 kèn gọi học trò ra làm việc sửa sang sân vận động (travail au terrain), làm «boulot» theo như lối nói thông dụng ở trong trường. 9 giờ 45 đến giờ diễn giảng (conférence) hoặc về giải phẫu, sinh lý học (anatomie, physiologie) hoặc về luật lệ chơi các môn bóng, (basket-ball, rugby, foot ball, volley-ball), hoặc về khoa thề dục sư phạm (pédagogie appliquée à l'éducation physique). 10 giờ 45 các học trò ra xếp hàng ở sân nghe «rapport» và nhận thư ở các nơi gửi về, do một nhân viên của nhà trường (vaguemestre) phát cho.

11 giờ học trò đi ăn cơm. Họ ăn ở giữa trời, mình trần, đặt bát đĩa trên một chiếc bàn tre giải. Họ sách nước uống trong những chiếc bình bằng sành. Cơm sơ sài nhưng những thanh niên lực sĩ ăn rất ngon lành. Dạ dày của một kẻ luyện tập suốt ngày ăn thức chi mà không thấy ngon!

Ăn cơm xong, đọc lại những bức thư ở xa xôi gửi lại, hoặc viết một bức thư giả nhời, hoặc ngủ trưa, tùy ý. Nhưng mà đừng nên làm râm rộ hoặc gây một bài banjo, vì phải để các bạn tập mệt nhọc được chợp mắt!

Giấc ngủ say bao giờ cũng thấy ngắn! 2 giờ 15 kèn gọi giầy sao mà réo rắt và vội vàng thế. Anh lính thổi kèn vào nẻo các nhà tranh, thổi đi thổi lại mấy lượt. Có chàng còn nằm rón đợi kèn lần thứ hai lúc 2 giờ rưỡi mới sỏ chân vội vào đôi giầy vải méo mó rồi chạy ra sân. (Anh ta nằm ngủ chỉ có chiếc quần slip thôi).

Buổi chiều từ 2 giờ rưỡi tới 4 giờ 15 hoặc 4 giờ rưỡi, học trò tập riêng từng môn điền kinh một (một đoàn tập nhảy, một đoàn tập ném tạ, một đoàn tập leo giầy v.v...), rồi tập chơi các môn bóng. Từ 4 giờ rưỡi tới 5 giờ 15, làm việc sửa sang sân vận động.

5 giờ 15, chào cờ buổi chiều. Cờ hạ xuống cùng tiếng kèn. ESEPIC: — Présent. SERVIR: — Toujours. Giải hàng ngũ chúng tôi trở về nhà ở, tắm rửa, rồi ăn cơm chiều.

Buổi tối được thắp đèn tới 9 giờ để làm việc. Học trò xem lại các bài giải phẫu học, thề dục sư phạm, hoặc họ đem nhau ra sân, dưới trăng tập hò, tập ra mệnh lệnh. Hoặc nếu rỗi rãi họ ra bờ hồ ngồi nói truyện, hát vài bài ca của ESEPIC.

9 giờ kèn tắt đèn. Đi ngủ để đèn ngày mai lại trở giầy làm việc với mặt trời sáng của Phan-Thiết.

Chương trình làm việc trong một ngày ấy có khi thay đổi. Vào khoảng cuối học khóa, một buổi làm việc sửa sang sân vận động được thay bởi buổi học ôn đề thi ở trong buồng diễn giảng. Những ngày có tập những môn phụ (épreuves supplémentaires) như chạy việt dã (cross country), đi 25, 35 cây số, chạy nửa giờ trên vòng, thì chương trình tạm bỏ đi bài luyện tập buổi sáng từ 7 giờ đến 8 giờ, hoặc bỏ đi cả chương trình hàng ngày buổi sáng.

Trong một tuần lễ, các học trò được ra ngoài chiều thứ nam, chiều thứ bảy, từ 5 giờ 15 tới 9 giờ, và cả ngày chủ nhật. Thường thường chúng tôi xuống tỉnh Phan-thiết, cách trường 4 cây số. Buổi chiều đi bộ cùng hạn hữu là một «này may» đối với các nhà thể thao. Nếu muốn dùng xe thì đã có các xe tay kéo ở tỉnh lên hoặc xe «thỏ mọ» ngựa kéo. Tỉnh Phan-thiết tuy nhỏ nhưng cũng có một vài phố buôn bán khá đông đúc (như phố Gia-Long). Ở tỉnh có chợ, có nhiều tiệm ăn, có một nhà hát thỉnh thoảng mới có một gánh hát qua thuê, có một nhà chớp bóng chẳng mỹ lệ gì nhưng cũng cho các bà con ở tỉnh nhỏ được xem một vài phim có giá trị; có mấy nhà khách sạn của người Pháp, có một nhà báo chế giúp ích cho các lực sĩ đau chân hoặc mệt mỏi. Ngày chủ nhật, ai cũng có thể dùng xe đạp (xe máy) đi chơi một vài tháng cảnh gần tỉnh lỵ, như lâu ông quận (château du duc de Montpensier) ở đường Ngọc-Lâm cách Phan-thiết 6 cây số.

(Xem tiếp trang 30)

# CÁCH SINH HOẠT TRONG MỘT

# VIỆN KHẢO CỨU Ở PHÁP

NGUY-NHƯ KONTUM

TÔI được cái may mắn vô ngần khởi sự đời khảo-cứu về Khoa học — nhưng cũng đáng tiếc thay, cơ-hội đã buộc tôi bỏ dở sau khi khởi sự — ở một viện mới lập, thành thử tôi đã được cái dịp hiếm có xem tường tận cái công cuộc xây dựng một viện khảo-cứu. Nhờ thế, hôm nay tôi xin kể qua đề các ngài biết những bước khó khăn trong công cuộc ấy, và những mối lo nghĩ, buồn tủi, hoặc thất vọng của ai đã lãnh cái trách nhiệm đảm đang công việc ấy.

Viện khảo cứu mà tôi sắp thưa chuyện với các ngài là viện khảo cứu về «Hóa học phần nhân (Chimie nucléaire), ở Trường Quốc Học Pháp, do giáo sư Frédéric Joliot trông nom. Nguyên là năm 1937, sau khi nhà hóa học Camille Matignon mất, thì hội đồng trị sự trường Quốc Học, họp lại cử người thay, đều công nhận không kiếm được người xứng đáng, nên đồng thỏa thuận dời lớp dạy của ông Camille Matignon về Hóa học vô cơ ra một lớp dạy về «Hóa học phần nhân» và cử giáo-sư là ông Frédéric Joliot, nhà bác học trẻ tuổi vừa mới được giải thưởng Nobel về Vật-lý-học.

Thật ra thì hai khoa ấy, chẳng có gì gọi là có thể giống nhau được. Một bên thì là theo phương-pháp cổ điển của khoa Hóa-học mà ông Lavoisier đã đắp nền-móng tự thế-kỷ thứ 18, một bên thì chuyên theo nền tảng mới dựng của khoa Vật-lý-học tân tiến nhất. Thành thử, tuy nói là dời nhưng thật là một việc tạo lập, nhưng khi-cụ cũ phải bỏ tất cả, thay vào những khi cụ khác hẳn và mới tinh. Cho nên, ông Joliot đã phải bắt đầu làm việc ngay, theo giúp ông thì có một nhóm thanh-niên phần nhiều học trò của ông. Và nhờ đấy tôi mới được dịp dự vào một phần nhỏ và nhất là được chứng-kiến công-cuộc dựng một viện khảo cứu.

Viện khảo-cứu mới lập này, choán mất 5 tầng trên và 2 tầng dưới của một tòa nhà mới dựng trên chỗ cũ của vài tòa đã sụp nát trong viện Quốc-học Pháp, chính giữa đô thành Paris. Tòa nhà mới ấy cao đến 7 tầng cả thảy và lan trên một vuông đất dài 30 thước, rộng 20. Ngoài viện khảo-cứu của ông Joliot, còn có một viện khảo-cứu về Sinh-hóa-học và một viện khảo cứu về Sinh-lý-học, của hai giáo sư Délépine và Lacassagne.

Riêng về viện khảo-cứu «Hóa-học phần-nhân» thì xếp đặt như sau này: Tầng sát đất thì có một buồng khách nhỏ để khách ngồi chờ, hoặc để tiếp những khách thường của các học trò. Khít bên thì có một xưởng nhỏ có thợ rèn, đúc và thợ nguội để làm những công việc con con trong viện. Thêm một kho vật liệu về điện, trong toàn những bóng đèn, giấy, nút điện, v. v. nghĩa là tất cả những vật-liệu thiết dụng về điện, mà có lẽ một hàng bán về điện cũng không có đủ và nhiều bằng.

Tầng thứ nhất, có buồng giấy của giáo-sư Joliot, giám-đốc viện, tiếp bên có thư-viện riêng của ông. Tuy nói là thư-viện riêng nhưng tất cả học sinh trong viện cần dùng thì cũng được tự do đến đây mượn sách đọc. Cạnh cửa buồng này thì có một buồng lớn vừa dùng làm buồng thí-nghiệm của ông Joliot, vừa làm nơi thử «máy đếm i-ông». Trước mặt buồng ấy thì có một gian phòng nhỏ, chỗ lắp và chữa máy «ăm-phi».

Lên tầng thứ nhì thì có buồng thư-ký của viện, buồng giấy của ông phó-giám-đốc và một buồng hóa-học chuyên phân-tích những chất đã chế ra tại viện, hoặc nhận xét những chất mới phát-mình ở trong viện. Bên cạnh thì có kho chứa khi-cụ cần dùng cho khoa phân-chất, nào là cầu chai, ve, nậm, be, muông, v.v.). Và cố nhiên có một buồng nhỏ để mấy cái cân

rất tinh vi dùng về việc cân lường các chất phân-tích.

Tầng thứ ba, có một buồng nhỏ để thử các máy «bơm hơi» dùng để hút sạch không-khí trong những hòm rộng. Rồi đến buồng giấy của người phụ-giáo ông Joliot, và một buồng lớn là buồng thí-nghiệm về những «cờn phần tử» vỡ vì bắn nhằm bằng thứ đạn rất nhanh và rất mạnh là «nơ trông». Cũng tầng ấy, có buồng thư-viện chung, để đủ các sách thường thức về «Hóa-học phần còi» và tất cả những thứ tạp chí chuyên-môn toàn thế-giới như Physical Review, Modern review, Nature, Wissenschaften, Le Journal de Physique et le Radium, v. v. Cạnh thư-viện thì có một buồng tối nhỏ để xét và truyền lớn những ảnh chụp nguyên tử.

Lên tầng thứ tư, có một buồng lắp «ăm pli» dùng vào «máy đếm i-ông», một buồng lớn dùng làm nơi luyện hóa học, và ba bốn buồng nhỏ dành riêng cho các học sinh hiện đang học tập tại viện. Còn có nhiều buồng như thế nữa, rải rác khắp các nơi, để cho những người nào đang thời-kỳ học tập, hoặc khảo-cứu ở tại viện có chỗ riêng của mình lúc ngồi suy nghĩ đến những vấn đề mình đã khảo cứu, hoặc lúc đọc sách báo cho được yên tĩnh, khỏi xao xuyến như ở thư-viện chung, là chỗ người ta đến tra cứu hơn là đọc.

Bây giờ chúng ta xem mấy tầng hầm. Tầng đầu thì có 2 buồng để «máy Wilson» tức là những máy chụp ảnh quỹ-đạo của các nguyên-tử, một cái chụp thường, một cái chụp trong không khí loãng. Bên cạnh là một buồng tối để rửa ảnh chụp, và trong cuối cùng cách xa tất cả mấy buồng kia, là kho đựng chất ra-diôm dùng ở viện, để trong tủ sắt che kín trong gạch bằng chì.

Xưởng tầng cuối cùng là tầng dành riêng cho máy «cy clò trông». máy rất nặng-nề mà rất mỏng-mảnh. Hiện nay trong hoàn-cầu chỉ có độ 20 chiếc máy ấy: hơn 15 chiếc ở Hoa kỳ, 2 chiếc ở nước Anh, 1 ở Nga và 1 ở Nhật. Máy «cy clò trông» dùng để tạo ra những quang tuyến giống như quang-tuyến của chất ra-diôm phát ra, nhưng một cái máy nhỏ cũng đã có thể chế ra nhiều quang-tuyến bằng ba hay năm ki-lô ra-diôm. Nếu các ngài nhớ rằng chất ra-diôm trong hoàn cầu không đầy 30 gam, và mỗi khi dùng để chữa bệnh, người ta chỉ được dùng đến vài phần nghìn trong một gam, thì các ngài sẽ rõ máy cy-clò-trông quý biết bao, mà cũng nguy-hiểm biết bao. Vì quang tuyến phát ra nhiều như thế mà dụng phải người ta thì hại đến cơ-thể một cách mau chóng. Vì thế mà cy-clò-trông phải chôn sâu dưới mấy thước đất, và chung quanh còn phải che kín bằng... «tường nước» vì người ta nghiệm ra rằng 1 thước nước có thể ngăn quang-tuyến lại gần hết.

Bây giờ đã rõ cách bài xếp trong viện, tôi xin nói qua về cách sửa-máy móc khi-cụ cần dùng cho viện. Các ngài đã thừa hiểu rằng khi-cụ dùng trong một viện khảo-cứu không phải những khi-cụ dùng trong một lớp dạy. Vì thế không mấy khi có sẵn bán ngoài hàng: từ đời nào đến bây giờ, nhà bác học cần dùng khi-cụ cũng phải tự tạc lấy. Và tôi tưởng tấn bộ đến đâu rồi cũng phải thế, là vì con đường khảo-cứu bao giờ cũng là con đường mới, không mấy khi nhà kỹ thuật-sư theo kịp, mà làm khi cụ bán cho nhà khảo-cứu. Cố nhiên là trong lúc tự tạc lấy khi-cụ, nhà bác-học có thể sai khiến người kỹ-thuật-sư, nhưng van nhà bác-học chịu trách-nhiệm và hoàn-toan tư ý mình phải nghĩ chế ra

Lúc sắm cho viện khảo-cứu của mình, chính giáo-sư Joliot và học trò đã phải mất nhiều công phu và trí sáng-kiến vì ba thứ máy : máy đếm i-ông, máy Wilson, và máy cy-clô-trông.

Về máy đếm i-ông và máy Wilson thì hiện nay đã có một ít vật-liệu làm bán sẵn, nhưng không ai lắp thành mà bán, mình phải mua về làm lấy mà dùng. Về hai thứ máy này, cả thầy viện có hơn mười chiếc, toàn là công phu của bốn học trò ở trong viện, cùng với ba thợ chuyên-môn giúp.

Còn máy cy-clô-trông thì hoàn toàn phải đặt từng nơi, đem về lắp lại. Máy ấy lớn vô cùng, vì không những cái máy cũng đã choán mất một căn buồng rộng, còn nào là máy điện riêng để phát 1 buồng điện mạnh, và 1 luồng sóng điện dùng cho máy chạy, nào là máy hút hơi, v.v. cả thầy gồm lại thành như cả một cái xưởng. Chiều ngày thứ bảy, các học sinh phải nghỉ việc để dẫn đường cho những người vào xem cy-clô-trông, như thế các ngài đủ biết chỗ ấy rộng thế nào, và kỳ lạ đáng người ta chú ý là thế nào.

Đề hiến các ngài ít con số « biết nói », tôi sẽ tin tin các ngài rằng khi-cụ dùng vào cy-clô-trông đã phải đặt theo kiểu-mẫu mình vẽ, và đặt tận các xưởng nào Pháp nào ngoại-quốc, hơn 50 nhà. Lắp lại và cho chạy, đã mất công phu hai năm không dừng của hơn 20 người chuyên-môn, vừa người chuyên-nghiệp, vừa người khảo-cứu. Vả tiền phí-tồn mất hơn 5 triệu quan, chưa kể tiền công trả cho người giúp việc. Chính cái cy-clô-trông không, cũng tốn hơn 2 triệu.

Người làm việc trong viện thì có hai hạng, hạng người giúp việc, và hạng người khảo cứu. Về hạng trên thì có giám-đốc tức là giáo sư Joliot, người toàn quyền trông nom viện, và chỉ có chức Trị-sự trường quốc-học Pháp là có quyền dòm xét đến. Bao nhiêu chi phí trong viện, trường cấp hàng năm một số là 500.000 quan, tùy ý giám-đốc lo liệu. Ông Joliot thì có cái tài kiếm ra tiền... giúp viện : nào là tiền quyên, nào là tiền cấp của chính phủ, nào là tiền... cúng của những bậc triệu-phú. Không có một cách gì « làm tiền » mà ông không dùng để chi phí vào việc khảo-cứu. Đối với ông thì bao nhiêu cũng đủ, ông không hề quan-tâm ; mà đối với viện thì bao nhiêu cũng không thừa, ông không hề bỏ qua một dịp làm giàu thêm cho viện.

Ngoài ra ông giám-đốc còn có quyền trên tất

cả các người giúp việc và tất cả học-sinh. Giúp việc ông và viện thì có hai phó giám-đốc, một thư-ký, và một số khá đông về thợ chuyên môn : ba người thợ nguội, một người thợ vô-tuyến-điện, hai thợ điện, một thợ thổi chai, và bốn năm người, tay sai để dọn sạch sẽ.

Hạng người khảo-cứu thì có một người giúp việc ông Joliot, là người có lương của viện, để giúp giáo-sư trong lúc ra giảng-đường giáo-sư phải làm những thí-nghiệm cho học trò xem, hoặc những lúc trong viện khảo-cứu giáo-sư cần người phụ. Nhưng đối với giáo sư Joliot thì công việc này khi nào ông cũng giao cho một học-sinh đã ưng thuận khảo-cứu cùng ông. Làm như thế thì mình hơi thiệt, nhưng được cái học thêm nhiều mảnh-khóe.

Học sinh thì lúc nào ở viện ông Joliot cũng rất nhiều và rất khác nước. Lúc tôi được vào viện, thì trong ấy đã có một người Thụy-Sĩ, một người Ba-lan, một người Hoa-kỳ, hai người Pháp, một người Tàu, một người Nhật và một người Tiệp-khắc. Bao nhiêu người bao nhiêu nước nhưng rất điều-hòa vì lý-tưởng chung là tìm kiếm sự-thực.

Cứ kè theo lệ thì ai có đủ học-thức để chuyên làm việc khảo-cứu thì cũng có thể xin và được tuyển vào viện để mình được sưu-tầm về những vấn đề mình thích. Nhưng thật ra thì lúc nào mình xin vào một viện khảo-cứu, mình cũng phải thưa cho ông giám-đốc rõ ý định của mình muốn khảo-cứu về vấn-đề gì. Ông giám-đốc xem nếu vấn-đề ấy thích hợp với tôn-chỉ của viện thì lúc ấy ông mới nhận. Hoặc người xin vào không có ý-định rõ rệt, thì càng dễ dàng hơn, chỉ việc hỏi ý kiến ông giám-đốc, ông sẽ mách cho một vài vấn-đề hiện trong viện còn sưu-tầm, nếu mình bằng lòng thì vào viện mà khảo cứu.

(Còn nữa)

---

## HỌC TIẾNG NHẬT

---

*Muốn chóng biết chữ Nhật, tiếng Nhật, chỉ nên mua cuốn « Nhật ngữ tự học » của ông NGUYỄN NGỌC LOAN soạn, Phần trên, chữ Nhật dịch ra quốc-ngữ. Phần dưới, chữ Nhật dịch ra chữ Pháp, giấy đủ mẹo luật, dễ hiểu chóng biết. Mỗi cuốn giá 2\$00, thêm cước gửi 0\$40 nữa. Thơ và ngân phiếu xin gửi cho ông :*

NGUYỄN DI LUÂN

Directeur du NAM THIÊN THƯ CỤC

37, Rue des Pipes — HANOI

Có một nhời khen mà bọn họa sĩ tôi sợ là khi người ta ca-tụng mình đã vẽ tại « hệt như bức ảnh ». Họ sợ vì cho đó là một nhời thóa mạ, vì họ không muốn bị tưởng nhầm là cái máy ảnh không hồn, vì — nói lẫn thân — họ là người. Người ấy thường thường có thêm một giác quan mỹ-thuật để cảm về Đẹp, một tấm lòng rộng mở để đón những tình rung động và một óc sáng để soi thấu tâm hồn sự vật. Mà chân giá-trị của họ cũng chỉ ở chỗ đó, và ở chỗ biết đem những giác cảm ấy diễn ra và truyền lại cho người coi tác phẩm của mình.

Vậy, tưởng họ là cái máy, tức coi họ không phải người, thứ nhất người mỹ thuật. Sự chia rẽ gần công chúng xa nghệ sĩ, duyên cớ do nhầm lẫn ấy. Một đảng thì yên trí rằng công việc họa sĩ là chép đúng cái vỏ ngoài của sự vật để đi đến một bức ảnh hoàn toàn, trong khi đảng này thiết tha tin sứ mệnh của mình là tả linh-thần sự vật theo như mình yêu, biết, cảm; nói tóm lại không vì cái vỏ ngoài của sự vật, mà vì mình, để tả tâm trạng mình hơn là sự vật, nhiều khi chỉ là những « Có ».

Bởi công chúng xem tranh lại đòi ảnh, còn nghệ sĩ bày tranh lại chỉ muốn bày tâm trạng mình, nên cái điệu « trống đánh xuôi, kèn thổi ngược » ở đây người ta vẫn được nghe luôn.

Bao giờ công chúng cũng bắt mẫn. Ở tranh không làm gì có sự chon chu, tỉ mỉ đầy đủ như bức ảnh. Mặt người thì ít khi tía đủ lông mày, cây cối thì chẳng bao giờ đủ cành đủ lá...

Riêng tôi lấy làm khó hiểu cái sự thích thực hiện quá quắt ấy của công chúng. Họ thích thể mà lại thích được cả tranh Tàu, thứ mỹ thuật phẩm mà họ vẫn trang hoàng trong nhà. Còn có tranh nào xa thực hiện bằng tranh Tàu! Không khuôn hình thật, không màu sắc thật. Vậy mà họ nhìn cho là tự nhiên lắm, trong khi vẫn khe khắt bới lông tìm vết trên họa phẩm hiện đại của ta. Nếu công chúng nhìn những tác phẩm này cũng như nhìn tranh Tàu, thì cái bề xa họ với nghệ sĩ sẽ thu lại nhiều. Họ sẽ hiểu nhau hơn.

Không cứ gì công chúng, cũng có xuất hiện những ông họa sĩ ưa tranh giống ảnh. Những ông này được người ta xếp vào tiếng vắn về « Tả chân ». Nhưng tả chân, theo họ hiểu là thể nào? Đã có những họa sĩ cham chú nắn nét từng chiếc khuy áo, đếm từng nét dần

# HỌA-SĨ VÀ CHIẾC MÁY ẢNH

trán, hay lia những sợi lông con vật như cái ông cách đây ít lâu đã trưng bày bức tranh « Con Báo ». Như thế để làm gì? Một tài liệu khoa học thì còn có nghĩa. Nhưng để chép lại những vật mà người ta nhìn thật còn thú hơn nhiều!

Một bức hội-họa chân chính là một tác phẩm mang dấu vết tâm trạng của người đa sáng tạo ra nó, là cảnh vật thêm tâm hồn nghệ sĩ. Không là hình dung thần nhiên, lạnh nhạt của tạo vật, để thay tấm ảnh hay ghi chép hiện trạng khoa học. Phần hồn của tác phẩm không phơi trên tranh như hình một trái cây hay bóng dáng một cái nhà. Muốn hội được tất phải là người để cảm lại gặp lúc tâm thần thư thái lợi cho mỹ cảm. Nhưng người đó hiếm, những lúc ấy hiếm, nên sự thưởng thức hoàn toàn một họa phẩm vẫn là việc hiếm.

Phải mượn phong cảnh và nhân vật để tả tâm trạng mình, Họa sĩ buồn vì người ta chỉ ngừng lại phong cảnh và nhân vật mà không đi thấu đến tâm trạng của mình. Ở chỗ đó nghệ thuật hội-họa không « trong » bằng âm nhạc. Âm nhạc không mượn một hình gì hay chuyện gì mà rung cảm thẳng đến tâm hồn người nghe.

TÔ NGỌC-VĂN

## CẢI CHÍNH

(Bàì Hippocrate)

Trang 8, cột hai, giòng hai : Sách về giải phẫu và nói về. Xin đọc là ! Sách về giải phẫu và Sinh lý-học.

— Giòng 12 : Nói về... (Pronosticum). Xin đọc là : Nói về tương lai bệnh (Pronosticum).

Trang 9, cột nhất, giòng 6 : Vie. Xin đọc là Vis.  
— Giòng 48, một phát sinh. Xin đọc là : Một phát minh.

— Giòng 51, Song ta than làm gì? Xin đọc là Song ta than làm gì?

**N** GOT sáu thế-kỷ sau lúc quyền thống-trị Trung-quốc đã vào tay nhà Chu, thì hai dân tộc Ân, Chu cũng đã dần dần đi đến con đường đồng hóa. Trong xã-hội phong-kiến lúc bấy giờ, sứ-mạng lịch sử của nhà Nho là bảo tồn và truyền bá tư-trởng tôn-giáo của dân Ân ngày xưa. Nghề nghiệp nhà Nho là đùm giúp vương hầu và dân sự trong những dịp tế, lễ. Một mặt nữa lúc đạo Nho đã thành ra nghề đình-sinh, thì tự nhiên cái số người theo đòi như-đạo cũng một ngày một đông. Nghề nho vì thế mà cũng phải chịu luật cạnh-tranh chi phối. Một số ít,

gặp thời vận đặc dụng ở miếu đường các nhà công hầu. Còn phần đông đành tản mác ra ngoài dân-gian để giúp việc tế-tự mà nuôi thân.

Lẽ cố nhiên, tình cảnh sinh hoạt của các nhà Nho này rất là vất vả. Theo như lời Mặc-tử thời «mỗi một lúc có hội hè, đình đám, là các thầy đem cả vợ con cùng đi để kiếm ăn». Thái-độ dân chúng đối với họ thế nào? Chắc không có thể được mười phần tôn kính. Còn những lời nhạo báng mai mỉa là khác. Tâm lý của dân chúng là thế: họ vẫn sợ tai nạn, sợ quỷ thần, họ vẫn cần đến các người cúng tế cho họ. Nhưng lúc đình đám đã xong, họ nhìn thấy các ông thầy lễ kia chỉ cần nghề nga vài câu và mặc áo xông vào mà ngồi ăn uống no say thì thế nào mà họ không có những ý tưởng cay chua được? Ta chỉ xem trong các câu chuyện tiểu lâm của Tàu, của ta, trong các chuyện cười trung cổ bên Ân, các ông thầy địa lý, thầy cúng, thầy tu, thầy đồng, ở nước nào cũng là cái bung-xụng cho bia miệng cười cợt của dân chúng. Những người làm lụng quanh năm, dầu tát mặt tối, những bọn khổ chủ của lễ nghi cũng vậy, họ không thể hiểu rằng: người ta có thể sống một cách khêu khoan như thế? Lẽ cố nhiên mỗi một lúc «có việc» thì họ sẽ lạy khắp mười phương nhưng... «tan chay thầy đi đất»!

Từ cái tình cảnh sinh hoạt khốn đốn ấy, mà đi đến chỗ trụ lạc của nhu-đạo, bước đường không

DỊA VỊ  
KHÔNG  
TỬ,  
TRONG  
NHO - GIÁO  
DẶNG THÁI-MAI

xa. Còn nhiều tài liệu chứng rõ sự khinh bỉ của thức giả đương thời đối với phái nho là dường nào. Mặc-tử, trong thiên Phi-nho đã cực lực mạt sát cái hạnh kiểm của hạng người chỉ đi bòn «của người về để nuôi mình» và lợi dụng cái ngu của người để làm cao-đạo!» Đến thời kỳ chiến quốc, Tuân-tử vẫn còn công-kích những kẻ luôn luôn «xung hô tiên vương để lừa người mà ăn mặc.»

Trước Tuân-tử và Mặc-tử, cũng chỉ vì chán với cái trạng-thái suy đồi ấy mà Lão-tử đã muốn đem tri thực loài người, «xóa mãi, xóa hoài, cho đến lúc không

còn biết một tí gì nữa.»

Số là các nhà hiền-triết đều đã nhận thấy cái tình cách giả dối trong cử chỉ bọn thầy lễ chỉ vì nghề nghiệp mà phải cười vay, khóc mượn. Nghề nghiệp nhà nho là nghề-nghiệp một người giáo-sĩ, mà tinh thần tôn-giáo của họ không có. Nên chỉ những lúc trông thấy họ trong đám tế lễ, ta có cảm tưởng là nhìn thấy cái quang cảnh một hạng người tự thôi-miên lấy mình mà cũng không thành! Cũng vì muốn giải quyết sự mâu-thuân giữa nghề-nghiệp của bọn nho-giả ấy, Lão-tử đã cố công đem cái tinh-thần siêu-việt của tôn-giáo để trừ khử hết những lệ văn bề ngoài.

Trong Luận-ngữ, Khổng-tử dặn học-trò: «Anh gắng làm nhà nho quân tử, đừng làm nhà nho tiểu nhân.» Một chỗ khác nữa, Khổng-tử còn phân nân vì nổi: «Người xưa đi học, là mong học cho tâm thần mình, mà người đời nay đi học là chỉ để loe-loẹt với đời!» Nghĩa là đồng thi với Khổng-tử, bọn nhà nho tiểu nhân không phải là hiếm nữa, mà cái luân lý bề ngoài chính là một cái đại bệnh của đạo nho đương thời.

Có nhận thấy sự suy đồi của phái nho mới hiểu thấu công lao và địa vị của Khổng-tử trong công cuộc phục hưng nho giáo.

II

Sau lúc Trương-công nước Tống đã bại trận (632 tr. Th. Ch.) thì cái hi-vọng phục-hưng tổ quốc

của dân Ân, cũng dần dần nguội lạnh... Giữa lúc dân Ân còn khát khao mong mỏi vị vương giả của lời sấm thì ở nước Lộ — một nhóm di dân của dân-tộc Ân, — trong một gia đình dòng dõi của phủ-hệ nhà Ân, bỗng sinh được một vị vương tôn rất mực thông-minh, duệ tri, — Vị vương tôn này, họ Khổng, tên Khâu, tên tự là Trọng-Ni. Sinh trưởng trong cảnh ngặt nghèo, Khổng sẽ nhờ sự đào luyện của hoàn-cảnh mà học được nhiều tài nghệ. Ta có thể tưởng tượng cái hi vọng những người đương thời đối với Khổng-tử là thế nào....

Tả truyện còn chép lại rằng: Lúc Mạnh Hi-Tử gần chết còn nhắc lại lời một nhà «đạt giả» dự đoán rằng: Khổng-Khâu có lẽ là người dòng-dõi Thánh-nhơn sẽ làm được sự nghiệp lớn. Trong Luận-ngữ, một nhà ân-dật cũng nói cùng học-trò Khổng-tử: « Các người đừng lo gì sự Khổng-phu-tử không được quyền vị. Thiên hạ vô đạo đã lâu lắm rồi. Giới sắp dùng Phu-tử làm mọ gỗ» (dễ hiệu triệu thiên hạ). Đối với thầy, bọn học-trò lại có một mối tin ngưỡng vững vàng hơn ai hết. Họ quả quyết đem Khổng-tử đặt lên trên vua Nghiêu, vua Thuấn.» Tử-cống: « Từ lúc sinh dân lại giờ chưa có ai bằng Phu-tử!»

Lòng tự tin là một đặc sắc của nhơn cách Khổng-tử. Khổng vẫn tin rằng: Minh chính là vị thánh nhơn mà dân sự còn chờ đợi, đã ứng vận ra đời. Vậy nên trong lúc đi « chu du liệt quốc », từ nước này qua nước kia, đã nhiều phen gặp những cảnh nguy-khốn mà tấm lòng tự tin của Khổng vẫn không bao giờ nao núng. Lúc Hoàn-đồi định hãm hại, Khổng-tử thản nhiên tuyên bố với đồ đệ: «Trời sinh đấng vào minh ta, Hoàn-đồi làm gì được ta!» Một lần khác, bị người đất Khuông bao vây, Khổng-tử cũng vẫn an tâm: «Vua Văn-vương mất rồi, «văn» chẳng phải ở nơi ta hay sao?... Ý giới mà chưa muốn diệt mất «tư văn» ư? Người đất Khuông làm gì được ta!» (« Văn » « Tư văn » nghĩa là đạo học của thánh hiền, văn-hóa của tiền triều để lại.)

Tấm lòng tự tin đó là do ở nghị lực của bản thân, nhưng hẳn cũng nhờ sự tin cậy của dân chúng, sự tin ngưỡng của đương thời nên mới phát triển đến trình độ ấy.

Ở Thạch-môn, một người nhân-sĩ chán đời, đi làm nghề giữ cửa hỏi Tử-Lộ rằng: « Khổng-Khâu có phải là người văn biết rằng thời thế không thể làm gì được mà vẫn cứ cố công mà làm ấy ư? »

« Biết thời-thế không thể làm mà vẫn cứ làm! » Giải thích nhơn cách bằng một câu nói như vậy, phải chăng là người ấy muốn chê Khổng-tử là một kẻ không thức thời, không lượng-lực? Hay là người ta muốn khen Khổng-tử là một người đầu lòng tự tin? Một điều chắc chắn là lời phẩm-bình ấy đã tả rõ được cái đặc sắc của nhơn cách Khổng-tử

Khổng là một người có đủ nghị lực tin ở sức mình, ở minh trời. Khổng sẽ đem thân thế, tâm hồn mà theo đuổi công cuộc chân hưng nho-đạo

### III

Từ lúc trưởng thành, Khổng-tử đã thấy rõ cái cảnh tương suy đồi của đạo Nho. Và cùng đã lĩnh hội được giáo chỉ của Lão-tử. Ảnh hưởng của hoàn cảnh, của giao-dục, của nhu-đạo sẽ để lại những dấu vết sâu xa trong học thuyết họ Khổng.

Cũng như Lão-tử, Khổng là một chuyên gia về lễ nhạc. Nghề-nghiệp của Khổng-tử cũng là nghề-nghiệp của một ông thầy lễ. Xem trong Lệ-ký, trong Luận-ngữ, ta thường thấy Khổng-tử vẫn là người đi giúp lễ cho các nhà vương hầu, và các tư gia. Khổng-tử đã đi hỏi lễ Lão-tử. Nhiều lần, Khổng đã cùng đồ-đệ thảo luận về vấn-đề tang-tế. Nhận rõ thái độ Khổng-tử trong những lúc ra vào trong miếu đường nhà vua, đối đáp với các nhà đương đạo, giúp đỡ các lễ tang-tế, ta cảm thấy Khổng là một vị lão sư có đủ những cử chỉ của một nhà nho đào luyện trong nhu đạo ra.

Về mặt triết lý, Lão-tử lấy hai chữ « vô vi » làm giáo chỉ. Nhiều câu nói Khổng-tử vẫn bao hàm những ý nghĩa tiêu cực, những triết lý tự nhiên ấy. Theo Khổng-tử, thời « Giới không hề làm gì, mà cũng không có việc gì là không làm. » « Không làm mà vẫn là có làm! » là thiên mệnh. « Khổng nói: « Giới có nói gì đâu! bốn mùa vẫn lưu hành, trăm vật vẫn sinh trưởng. » Khổng khen vua Thuấn cũng chỉ vì Thuấn không làm gì mà thiên hạ vẫn thịnh trị.

Cách khi cư và cử chỉ của Khổng-tử vẫn còn ảnh hưởng của nét nhún nhường các nhà nho, khi tượng « không hư » của Lão-tử. Một người học trò yêu của Khổng-tử vả tự hào rằng đã hiểu được cái giáo nghĩa của Nhu-đạo: « biết mà đi hỏi người không biết; nhiều mà hỏi ít; có mà như không; thực mà như hư... Ai có phạm đến mình cũng không kè! »

Khổng-tử nói: « Ta có biết gì đâu! Ta không biết gì hết! Có kẻ bĩ phu hỏi ta, ta vẫn ngỡ ngác như không biết gì cả! »

Tư tưởng những nhà đại triết học xưa nay vẫn có những thời kỳ tương phản. Có lúc cần phải hấp thụ lấy ý kiến của tiền bối và những người đồng thời. Lại còn một thời-kỳ phải phê bình lại những ý tưởng đã lĩnh hội được. Trong tòa lâu tư tưởng của loài người, biết bao nhiêu hiền triết đã phải đem những pho tượng mình sùng bái ngày trước ra mà thiêu hủy trước lúc đi đến con đường chân lý! Khổng tử cũng vậy. Luyện tập trong nhu đạo mà ra, một ngày kia, Khổng đã thấy rõ rằng: đạo nho cần phải cải thiện và thái-độ tiêu cực của Lão chưa hẳn là thái-độ duy nhất để cải cách nho giáo.

(Còn nữa)  
Đ. T. MAI

# LƯ'ỢC KHẢO VỀ KHOA

## QUY' SỬ' U DUY

II

**K**hoa Hội «cải-lương» Canh-tuất Duy-tân thứ tư (1910) ấy lấy được tất cả 23 cụ Trúng-cách. Mà cụ Vương Hữu-Phu người làng Văn-son, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an đỗ *Hội nguyên*; nam ấy mới 30 tuổi. Vào diện thi vua cử hai quan Lễ-bộ thi-lang Mai-Dực và Thừa-thiên Phủ-doan Từ-Thiếp duyệt quyền và hai cụ Hiệp-biện đại-học-sĩ, Hộ-bộ Thượng-thư, sang Phụ-chấp phủ đại-thần Hoàng-Côn và Hiệp-biện đại-học-sĩ lĩnh Nam-Nghĩa Tổng-đốc Hồ Đắc-Trung đọc quyền, Sau khi trọn lọc các khảo-quan tâu lên lấy bốn viên đỗ Tam-giáp đồng Tiến-sĩ xuất thân và 19 viên Phó-bảng.

Điện-thí khoa ấy cụ Vương Hữu-Phu lại đỗ *Đình-nguyên*. Rồi đến cụ Nguyễn-Hâm người Ân-cư, huyện Thuận-sương tỉnh Quảng-trị, Nguyễn Sĩ-Giác người Kim-lũ, huyện Thanh-trị, tỉnh Hà-dông, Bùi Hữu-Tuy người Thanh-thủy, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an đều đỗ Tam-giáp Tiến-sĩ. Phó-bảng có các cụ Nguyễn-Quýnh, Trương Trung-Thông, Lê Trọng-Phan, Nguyễn Xuân-Đàm, Nguyễn Thúc-Hiên, Nguyễn-Cũ, Tôn Thất-Chử, Hoàng Tăng-Bí, Lê Xuân-Mai, Phan-Vũ, Bùi-Kỷ, Đào Văn-Huân, Nguyễn Văn-Thông, Ngô Đình-Trí, Vũ

Hành, Nguyễn Tiến-Kiểm, Nguyễn Duy-Thiệu, Lê Huy-Đỗ và Hoàng Trọng-Đài.

Trong 23 cụ đỗ khoa ấy thì 7 cụ người Nghệ-an, bốn cụ người Hà-tĩnh. Bốn tỉnh Thừa-thiên, Quảng-bình, Thanh-hóa, Hà-dông mỗi tỉnh được hai tên trên bảng, còn Quảng-nam, Quảng-trị, Hà-nam mỗi tỉnh một.

Bắc-kỳ ta không biết khoa ấy bao nhiêu cụ trầy Kinh mà chỉ có ba cụ được vinh quy bài tờ, là cụ Nghè Nguyễn Sĩ-Giác tức là cháu cụ Văn-minh Trọng-Hiệp, hai cụ Bảng Hoàng Tăng-Bí người Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-dông (cháu cụ Nghè Trương-Hiệp, cháu cụ Hoàng-giáp Tế-Mỹ) và Bùi-Kỷ người châu Cầu, huyện Thanh-liêm tỉnh Hà-nam (con cụ Nghè Thức, cháu cụ Bảng Quế.)

Đến khoa Quý-sử (1913) cách thức thi Hội lại đổi chút ít: *Trường đệ Nhất* thi văn-sách các cống sĩ trước làm sáu đạo (trong đó hai đạo Truyện) thì nay chỉ làm năm đạo thôi, bớt đi một đạo Truyện. *Trường đệ tư* cũng bớt đi một bài; chỉ phải làm một đạo về thời-vụ cũng đủ chứ không như trước phải làm hai. Còn đầu bài luận quốc ngữ thi khoa này trường-quan ra bằng chữ quốc-ngữ chứ không ra bằng chữ nho nữa.

# THI HỘI

## TÂN THỨ' BẢ Y (1913)

NGUYỄN VĂN-HUYỀN

Khoa ấy *Chủ-khảo* là cụ Từ-Thiếp người Khê-hồi phủ Thường-tin tỉnh Hà-dông đỗ Phó-bảng khoa Ất-mùi Thành-thái thứ bảy (1895); *Phó chủ-khảo* là cụ Nguyễn-Khải người Long-phúc huyện Duy-xuyên tỉnh Quảng-nam đỗ Phó-bảng khoa Kỷ-sửu Thành-thái thứ nhất (1889); *Tri công-cử* là cụ Nguyễn Đức-Lý người An-tràng huyện Nghi-lộc tỉnh Nghệ-an đỗ Nhị-giáp Tiến-sĩ khoa Đinh-mùi Thành-thái thứ mười chín (1908).

Các quan *Đông-khảo* thì có cụ Bùi-Tuyền người Bả-canh huyện Tuy-viên tỉnh Bình-dịnh đỗ Cử-nhân khoa Nhâm-ngọ Tự-đức thứ 35 (1882), cụ Phạm Khắc-Doãn người Đông-thôn Vạn-phúc tỉnh Nghệ-an đỗ Cử-nhân khoa Kỷ-mão Tự-đức thứ 32 (1879), cụ Hoàng Đại-Bình người Xuân-lai huyện Phong-phú tỉnh Quảng-bình đỗ phó-bảng khoa Tân-sửu Thành-thái thứ 13 (1901), cụ Nguyễn Đình-Tuân người châu Lô huyện Hiệp-hòa tỉnh Bắc-giang đỗ Tam-giáp Tiến-sĩ khoa Tân-sửu (1901), cụ Hoàng Văn-Cư người Vạn-lộc huyện Nghi-lộc tỉnh Nghệ-an đỗ Phó-bảng khoa Giáp-thìn Thành-thái thứ 16 (1904) và cụ Trương Trung-Thông người Đan-quế, huyện Thạch-bà tỉnh Hà-tĩnh đỗ Phó-bảng khoa Canh-tuất Duy-tân thứ tư (1910).

Quyền nào cũng một quan Đông-khảo chấm trước bằng mực rồi đến ba quan Chủ-khảo, phó Chủ-khảo và Tri Công-cử cùng cho điểm bằng son hồng. Điểm số ấy đều cho về mặt văn-lý; chỉ trừ bài luận quốc-ngữ thì chấm vừa văn-lý vừa tự-hoạch.

Cứ xét trong những quyền trúng Hội thì cách điểm số của các quan Đông-khảo và Chính-khảo có chênh lệch nhau. Có bài Đông-khảo cho nhiều mà đến lượt Chính-khảo lại rút bớt đi; trái lại có bài Chính-khảo lại cho nhiều hơn lên. Như ở trường nhất có quyền Đông-khảo nghĩ được 17 điểm mà Chính-khảo rút xuống 15; có quyền Đông-khảo cho 10 điểm đến Chính-khảo lại tăng vọt lên 15. Ở trường

Tam có bài quốc-ngữ Đông-khảo phê được 7 điểm, Chính-khảo chữa lên cho đến 15 điểm. Ở trường Tứ có bài Đông-khảo cho 5 điểm mà Chính-khảo cho đến 9 điểm, vân vân...

Cộng cả bốn trường khoa ấy cống-sĩ được nhiều nhất là 59 điểm, nhưng có lẽ vì trường Tam lọc cách (điểm số có chín) nên phải đánh xuống thứ hai. Cụ Hội-nguyên được 50 điểm rưỡi; rồi đến các quyền 49 điểm rưỡi, 48 điểm, vân vân... Quyền cuối bảng Hội cũng còn được 43 điểm rưỡi, trên số trung bình. Nhưng có quyền Hội-dồng giám-khảo cộng thấy có 44 điểm mà tội tộ mò xem lại trên các phách thì được những 53 điểm rưỡi. Chẳng hay có phải Hội-dồng nhằm bay không? Hoặc giả quyền ấy có phạm vào trường qui nào mà phải rút bớt đi chín điểm chăng!

(Còn nữa)

SẮP CÓ BÁN:

## XUÂN THU NHÃ TẬP

Tư-tướng, Văn-chương và Nghệ-thuật tiên phong  
cơ-g trình của:

NGUYỄN ĐỖ CUNG, PHẠM VĂN HẠNH  
NG XUÂN K OÁT, NG. LƯƠNG NGỌC  
NG. XUÂN SANH, ĐOÀN PHÚ TỬ

Chủ biên: Xuất bản:  
ĐOÀN PHÚ TỬ NG. LƯƠNG NGỌC

Gửi tiền về: Ông NG. LƯƠNG NGỌC,  
26, phố Nguyễn Trãi — Hanoi

1000 bản giấy thường. Giá 1\$50.

Loại sách quý: (đặt tiền trước) gồm có:

50 bản giấy lụa Xuân Thu Giá: 9p.00  
(Sau khi xuất bản sẽ bán 15\$00)

1 bản giấy nhiều Xuân Thu, có kèm những bản thảo bức họa của Nguyễn Đỗ Cung, và vài trang bản thảo của các tác giả. Giá 100\$00

Các đại-lý: nên biên thư về giữ trước, vì số sách in có hạn. Loại sách thường mua đặt tiền trước hay sẽ gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân.

Tổng phát hành trong địa hạt Saigon-Cholon

Nhà sách Nguyễn Khánh-Đàm

12, Sabourain — Saigon

MARBRERIE

## PIAM VAN VY

MONUMENTS  
FUNÉRAIRES  
TOUS TRAVAUX  
EN MARBRE  
ET GRANITO

Appareil sanitaire en granito

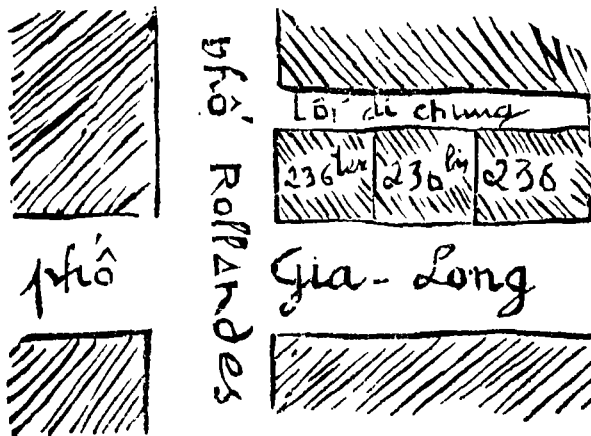
34, rue Sergent-Larrivé. HANOI

(Tiếp theo)

**Ấn thứ hai :**

(Tòa Sơ-Thẩm Hà-nội, phiên ngày 11 Mai 1940 — theo Journal Judiciaire 1940 phần III, trang 41).

Nguyễn ông Nguyễn Van-Phúc (1), sở hữu chủ một miếng đất ở phố Gia-long (Hà-nội), có xây trên đó ba ngôi nhà liền nhau, đeo số 236, 236 bis và 236 ter. Khi xây nhà ông có chừa ra ở đằng sau một lối đi chung, ăn thông sang phố Rollandes, để riêng về việc vệ-sinh và đi lại của xe tay nha, và ở đây ông có xây cống thoát nước mưa và rửa-ráy, chung cho cả ba nhà. Về sau ông Phúc bán ngôi nhà số 236 bis cho ông Nguyễn Khánh-Lập và ngôi nhà 236 ter cho ông Nguyễn Hữu-Lục.



Ông Nguyễn Hữu-Lục mua được nhà liền cho xây lại, và cứ theo lời ông Nguyễn Khánh-Lập thì trong những việc công tác đó ông Lục có :

- 1) phá bức tường chung ngăn hai nhà số 236 bis và 236 ter, và hủy cả những cửa và công tác thuộc về quyền của ông ;
- 2) phá và lấp cả cống thoát nước mưa và rửa-ráy chung ;
- 3) đóng tịt hẳn lối đi chung thông sang phố Rollandes, làm ngán cản việc lấy vệ-sinh và mất lối đi của xe nhà của những người ở nhà số 236 và 236 bis.

Vì những lẽ trên đây, ông Lập kiện ông Lục xin tòa bắt ông này phải xây đắp, hoàn những nơi đó lại như trước, và phải bồi thường cho ông một món tiền là 5.000\$00 về những sự phá hủy làm thiệt hại cho ông.

Sau khi cắt một viên chuyên-môn đến tận nơi xem xét tường tận và làm tờ phúc bẩm, tòa xử như sau đây :

«...Lý do theo như lời Nguyễn Hữu-Lục thu địa-dịch lối đi (servitude de passage) mà Nguyễn

# = VÀI ÁN VỀ = nhà đất lân cận của Đỗ Đức-Dục

Khánh-Lập viện dẫn ra đây không dùng lục vào địa bạ nên không đối dụng được với Nguyễn Hữu-Lục :

Lý do Ng. Kh. Lập viện trái lại rằng : Địa dịch lối đi và phóng thủy (Servitude d'écoulement) nguyên là Nguyễn Văn-Phúc đặt ra lúc còn làm chủ cả ba ngôi nhà liền nhau, và sau đó bán lại cho ba chủ khác nhau, địa dịch đó thuộc vào hạng « địa dịch do người gia trưởng » (Servitudes par destination du père de famille), và cứ theo điều 692 Dân luật pháp điển (Code civil) thì sự thích dụng của người gia trưởng giá trị ngang chứng thư (la destination du père de famille vaut titre), và lại thêm những điều 91, 316 phần 2 của Sắc-lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 miễn loại địa dịch đó sự đăng ký vào địa-bạ :

Lý do điều 692 Dân luật pháp điển đã bị ám chỉ thủ tiêu (implicitelement abrogé) vì điều 120 của sắc lệnh điền thổ kê trên (thi hành ở Bắc-kỳ do những sắc lệnh ngày 21-7-1925 và 6-9-1927) nói rằng tất cả những địa dịch bởi người lập ra (Servitudes établies par le fait de l'homme) đều phải có văn tự làm bằng :

Lý do những điều luật kê trên cần cho một chế-độ bố-cáo hoàn mỹ... cho nên sự thích dụng của người gia trưởng, theo chế độ điền thổ hiện hành, không có thể là một cách đặt ra địa dịch : vì vậy mà Ng. Kh. Lập không thể viện dẫn một địa-dịch do người gia trưởng đối phó với Ng. H. Lục được :

Lý do, cũng vì lẽ đó Ng. Kh. Lập không thể viện được rằng địa dịch của y dẫn ra, được miễn sự ghi đăng vào địa-bạ... mà điều 316 phần 2 của sắc lệnh nam 1925 chỉ miễn những

(1) Những tên người và số nhà trên đây đều thay đổi đi cả

địa dịch do địa thể tự nhiên hay địa dịch do pháp luật định (*servitudes dérivant de la situation naturelle des lieux ou servitudes établies par la loi*); — như địa dịch dẫn ra trên không thuộc vào hạng địa dịch do địa thể tự nhiên vì sự thoát nước ở đây cần phải có cống do tay người làm ra và hai ngôi nhà cùng ở trên một bình diện (*un même plan*): mà cũng không thuộc vào hạng địa dịch do pháp luật định vì những luật của thành phố về sự thoát nước bằng cống hay rãnh, về sự lấy vệ sinh không có hiệu lực buộc vào một sở nhà đất nào một sự phiền lụy dễ lợi dụng cho một sở nhà đất khác, mà chỉ cốt để giới hạn, theo vài điều kiện, quyền hành của chủ nhà, vì lợi ích về vệ sinh của mọi nhà và sức khỏe của dân chúng;

Lý do Nguyễn-kh-Lập chung quy không có thể viện dẫn sự xâm phạm một địa dịch nào ra mà kiện được;

Lý do tuy nhiên những điều y khiếu nại về sự lạm dụng quyền sở hữu của Nguyễn-h-Lục một phần được những sự nhận xét và thẩm-định của viên chuyên môn chứng minh; cứ theo tờ tường thuật của viên này thì:

1) trong khi xây lại nhà Ng-h-Lục có phá một bức tường chung, một nửa thuộc về Ng kh-Lập và tên này có quyền đòi lại giá khoán;

2) Ng-h-Lục đã để quá bốn tháng thời gian thường để làm những cuộc công tác nói trên, và vì sự chậm chạp đó đã lạm dụng trường hợp và đã làm rối sự hưởng dụng của Ng-kh-Lập;

3) sự phá chiếc tường chung đã làm đổ cả mái hiên nhà Lập, mà nếu Ng-h-Lục để ý chỉ cho náng chống nhẹ cũng đủ tránh được;

Lý do những điều suy luận của viên chuyên môn ở sự nhận xét của y ra đều đúng lý;

Lý do theo sự thực nếu điều 544 Dân-luật cho người sở hữu chủ quyền hưởng dụng và sử dụng vật của mình một cách tuyệt đối, quyền đó bị gia giảm đi bởi bốn phận tự nhiên và pháp định không được làm thiệt hại đến quyền sở hữu của người khác; vậy người sở hữu chủ làm một điều lỗi nếu họ làm rối người láng giềng trong sự hưởng dụng của họ.

Lý do nếu Ng-h-Lục, lấy danh sở hữu chủ, có quyền làm ở bất động sản của mình tất cả những việc công tác mà không có một địa dịch nào ngăn trở, y không được, do mình làm ra, gây sự thiệt hại cho người sở hữu chủ nhà đất bên cạnh và làm rối sự hưởng dụng của họ vì sự trễ nải hay vô ý; vậy nên, theo những điều 1382 và 1383 Dân-luật, y phải bồi thường lại những sự thiệt

hại vật chất ke trên ta sự lạm roi cuộc hưởng dụng do lỗi của y gây nên; tòa có đủ tài liệu thẩm định để đánh giá sự thiệt hại của Ng-kh-Lập, và nếu án định số tiền là 400\$ bồi thường cho tên này tòa xét ra sự đánh giá đã dịch đáng và đầy đủ...

■

Theo những lời quyết nghị trên đây, ta có thể suy luận ra ít điều bổ ích sau này:

Trước hết nói về quyền sở hữu thì ta thấy rằng, như tôi đã nói ở trên, tuy pháp luật cho nó tinh cách tuyệt đối, nó vẫn bị gia giảm vì sự ích lợi chung do pháp luật định, hay vì quyền sở hữu của người khác. Chung quy ta có nhà đất, ta có quyền hưởng dụng hay sử dụng theo ý muốn của ta, miễn là đừng làm thiệt hại đến người khác nhất là làm rối cuộc hưởng dụng của sở hữu chủ lân cận.

Nói về địa-dịch thì án trên đây cho ta biết thêm ít điều mới.

1) địa dịch do địa thể tự nhiên: thí dụ như ông có một miếng đất ở chỗ thấp bên cạnh một miếng đất cao của người khác, thì bốn phận đất của ông là phải hứng, chứa lấy những nước ở đất cao tự nhiên chảy xuống (không do tay người ở trên làm ra, lẽ tất nhiên) nhất là ông không được đắp đê, bờ, đập làm ngăn trở nước không chảy được.

2) địa dịch do pháp luật định hoặc để ích lợi cho công chúng, hoặc để ích lợi cho tư nhân. thí dụ ông muốn đào giếng, hay đặt chuồng trâu gần một bức tường chung thì ông phải làm xa gần bức tường ấy bao nhiêu tùy theo thể lệ hay tục riêng đã định —; hoặc giả như ở xứ ta, sự chôn, xây mồ mả này cách mồ mả khác là bao nhiêu cũng phải chiều theo lẽ tục đã định, chứ không phải là ông cứ thấy chỗ này đất « dai phat » — nếu ông tin như thế là ông vội vàng tự do cất mộ tồ tiền lại đó!

3) địa dịch do người lập ra, những địa dịch này nhiều hình trạng tùy theo sự nhu cần của nhà đất và ý muốn của sở hữu chủ: thí dụ trong đất của ông có giếng ông cho nhà lân cận được vào gánh nước, trong đất của ông có nhiều cây cối ông cho những nhà chung quanh vào kiếm củi, về sau những nhà được hưởng lợi đó thành ra có quyền đi lại trên đất ông và hưởng lợi đó mãi mãi: hoặc giả tường nhà người ta sát đất của ông, ông cho người ta đục tường, tro cửa sổ nhìn sang đất ông, đó cũng là địa dịch mà đất ông phải chịu mai.

(xem tiếp trang 30)

# TRUYỆN DỊCH

PHẠM CHÍ-LƯƠNG

S AU bao nam xa vắng, tôi quay trở về đô thành nhỏ kia. Phải chăng tôi dừng bước giữa mảnh vườn khô héo kia để soi mặt trong bể nước xưa đầy lá úa mà tôi dừng chân? Khi gần về tới tỉnh đó, tôi tưởng không vì lẽ nào khác nữa.

Rời những tỉnh lớn miền bề ra về, tôi nhớ phảng phất những cảnh vật kín đáo, phố xá eo hẹp, tường vôi lặng lẽ, mưa gió đã ngã sang màu tro. Tôi chắc sẽ tìm thấy những khung cảnh ấy trong đô thành kia là nơi trong năm năm, tôi đã được những ông thầy râu bạc giảng giãi những khoa học đặc-biệt của Đức-quốc, nhiệm một màu lý-tưởng.

Tôi nhắc luận tới tỉnh nhỏ yêu quý đó, lẻ loi giữa một vùng đồng ruộng như một kẻ bị đầy — tôi vẫn tưởng có những kinh thành bị đầy ải, xa xứ sở — không có sông chạy qua, không có thành quách cột chuông, hiếm cây cối, nhưng rất lặng lẽ và như cam lòng, nhà cửa giải giác xung quanh một lâu đài lớn, có sân rộng khi ồn ào, lúc yên ngủ. Ngoài phố mỗi trăm bước lại có giếng khơi; gần mỗi giếng, một máy nước có ống tượng đất nung, quét sơn màu đỏ và thanh-thiên.

Tôi nhờ lại cả căn nhà xưa tôi làm tập sự về khoa-học. Nhà có cửa sổ nhìn ra công-viên, mở ra giữa một khoảng vườn rộng, nhà bao bọc xung quanh; ở góc vườn, một bể nước phun có non bộ chạy vòng. Vườn bỏ hoang. Chủ nhà cũ, nay đã mất, còn cô con gái ông, buda bà và ngoan đạo lại coi cây cối như bọn vô tợn, hoa lá một lũ khoe khoái-lạc.

Lối tại thiếu-nữ kia, chiếc bể như « chết » rời. Nước ở đáy không phun nữa, im lìm, mệ mội, như lìm dưới sức thời gian trải bao thế kỷ; lá cây phủ gần kín mặt bể tựa như rơi xuống đáy đã mấy mươi thu cổ xưa rồi.

Giáo tôi ở tỉnh nhỏ kia, vườn này là chốn vui thích nhất của tôi. Tôi được tự do muốn ra đây lúc nào cũng được và khi thầy học không đòi hỏi nữa, tôi ngồi bên mặt bể, sách trên tay. Khi đọc đã mỏi, hay bóng chiều đã ngã, tôi nghịch tìm soi bóng tôi trong làn nước hoặc vừa đếm lá khô, vừa hồi hộp thích nhìn chúng từ từ trôi theo làn gió nhẹ thổi. Có lúc lá tản mản từ bề, có khi tụ lại ở đây bề, khiến khuôn mặt tôi lại hiện ra trong làn nước. Và tôi nhìn rất lâu tưởng không còn sống riêng với tôi, không còn thân xác nữa,

# BÓNG NGƯỜI TRONG GU'ONG NU'OC

chỉ là chiếc bóng trong bề kia thôi, vạn cổ đã in nét xuống đó.

Bởi thế, khi về đến tỉnh nhà tôi chạy ngay ra vườn này. Bao nhiêu năm qua mà tỉnh nhỏ vẫn như cũ. Qua lại phố xá nhỏ hẹp vẫn những đàn bà xưa, lùn lùn, ua úa...; vẫn những tượng đất nung vô dụng và lố lằng, đứng thẳng mỗi ông trên một máy nước cứ cách trăm bước một.

Và mảnh vườn bề nước nữa, khi tôi ra đi làm sao, lúc trở về làm vậy, y như tôi nom lần cuối trước khi quay về quê hương. Thêm vài chiếc lá dưới đáy bể, vài đám cỏ trên những khu trồng hoa, còn mọi vật như thời cũ. Tôi soi mặt dưới nước và nhận thấy đã khác xưa, khác nhiều hình ảnh « thẳng tôi » còn mang troag ký-ước. Tôi bị cảnh vật cảm dỗ tôi một bận nữa, say mê huyền hoặc vì làn nước tù kia. Tôi ngồi trên những hòn giả sơn và lách lá khô ra để gương nước rộng thêm cho dễ coi khuôn mặt sanh sao của tôi đã nhiều nét thay đổi.

Tôi ngồi đó đã được vài phút, nghiêng mình xuống nước và ngẫm nghĩ đến những định lệ lạ lùng của thời gian, bỗng thấy hiện ra bên bóng tôi một bóng thứ hai. Tôi vùng mình quay lại; một người ngồi bên tôi cũng như tôi soi mình trong bề. Tôi ngắm anh ta như trong một giấc mơ, rồi khi nhìn kỹ, tôi tưởng chừng như anh giống tôi. Tôi đưa mắt cúi nhìn một bận nữa xuống bề và ngắm lại mặt anh chiếu dưới đáy nước mờ tối. Lúc ấy, tôi cảm thấy sự thực là « bóng kia thiệt giống hình tôi bấy năm về trước ».

Lúc khác có nhẽ tôi đã kinh hoảng lắm và chắc đã kêu thất thanh như kẻ bị ma ám. Nhưng tôi biết ngay rằng chỉ có những sự không thể có được lại có lúc xảy ra thực, vì thế tôi không sao xuyên lăm nữa, tôi gơ tay cho người kia bắt rồi nói:

« Anh biết em là « chính anh » đấy, một cái tôi « quá khứ của anh, tưởng chết đã lâu, song anh « lại gặp ở đây như hồi xưa bỏ nhau cũng ở đây, « nom không thay đổi gì ». « Em tôi » xưa ơi! anh « anh không biết em đòi chi ở anh ngày nay, « những dấu em hỏi xin gì, anh nghĩ cũng không « từ chối em đâu ».

Người kia sợ sệt nhìn tôi, coi tôi như một kẻ xa lạ, lưỡng lự một lát rồi trả lời: « Em muốn ở bên

anh ít lâu. Khi anh tưởng anh đi khỏi hẳn, em vẫn ở đây, ở tỉnh này, thời gian không hề chầy chỏi, em đứng lặng không làm chi cả, đợi anh về. Em biết lắm, anh sẽ quay về. Anh đã gửi làn nước kia phần tỉnh túy hồn anh và nhờ ở như nó em đã sống cho tới bữa nay. Nhưng hôm nay, em muốn sum họp cùng anh, ôm ấp anh, sống cùng anh, nghe ở miệng anh truyện đời anh trong mấy năm vừa qua. Xưa anh làm sao, nay em làm vậy, em vẫn không hiểu anh hơn là anh thấy em hồi xưa. Anh có đoán chăng lòng ham học, ham nghe của em không? Cho em leo đèo theo anh với cho tới lúc anh lại ra đi, rời bỏ cái tỉnh quanh què sống biệt tịch ra ngoài đời, và ra khỏi thời gian này...»

Tôi nhận nhời và như anh em tay cầm tay đặt nhau ra khỏi vườn.

Từ lúc ấy bắt đầu một đoạn lạ lùng trong đời tôi, đời tôi với kiếp mọi người đã khác nhau biết bao. Tôi sống với tôi, với «tôi xưa» được vài ngày vui bất ngờ. Hai cái tôi song song dạo chơi những đường phố hè lát khắp khèn, giữa tỉnh mịch của tỉnh nhỏ kia... chò chuyện không rứt, tìm nhớ lại những cảnh chung sống với nhau, người đời đã gặp, những ân tình sao xuyên cũ, những ước mong còn vương lại một dư vị chua chát. Chúng tôi tới trường Đại học, lặng lẽ và rùng rợn như một nhà tù sừng sững trên núi, «Chúng tôi» vào chơi trong vườn... sau tòa nhà kia, có những pho tượng đen và sứt sẹo, không còn buồn đưa mắt nhìn những lối đi về cùng tận nữa; chúng rất nhau đi... tới một cái ao nhỏ đào lếu láo, đám vương tôn thích đã đặt tên gọi là hồ... Tôi không thể nhớ lại những ngày tâm sự, những buổi phiếm du này mà lòng không đoạn khúc.

Khi những phút nồng nàn buổi đầu đã qua; sau những phút hoài cảm ngày cũ, lắng nghe bạn tôi chuyện chò, tôi bắt đầu đau khổ vì một nỗi buồn không diễn ra được một vài điều ngộ nghĩnh, vài cử chỉ tàn nhẫn, vài giáng điệu thô lỗ luôn luôn diễn ra khiến tôi tủi lòng. Ngoài ra tôi nhận thấy trong lúc đàm đạo «em» tôi có nhiều ý nghĩ nực cười, những lý thuyết cũ rích, những sốt sắng thô thiển của dân tỉnh nhỏ đối với những người và vật mà tôi không còn nhớ nữa. Những điều em tôi tin tưởng, những câu thơ làm cảm động em tôi, những cảnh tình cảm khích nó trái lại chỉ làm tôi nhăn nhó hoặc cười nửa miệng.

Tri em tôi đầy một thứ lãng mạn chung cho tuổi trẻ, đại diện cho những mớ tóc bù, nào những núi độc, những rừng âm u, nào những trận giông bão cuồng chiến, có sấm sét chuông trống rợn rập, lòng em tôi như tan lẩn trong niềm yêu thương... nào hoa biếc, nào trắng bạc, nào mây mờ, nào mờ người yêu, nào vó ngựa đêm trường

van van... Nổi niềm đó một trăm năm về trước những chàng trai mảnh khảnh, s nh đẹp và tra sâu, những nàng đôi tam đã sống qua.

Tình khinh người trẻ đại của em tôi, sự ít lịch duyệt, sự ngu tối giầy đặc những bị mặt cuộc đời, mới đầu còn giải tri cho tôi, cuối cùng làm cho tôi phải mỗi mết và khiến tôi vừa thương vừa khinh, dần dà đến ghê tởm.

Tôi còn chịu được được vài hôm nữa chưa sỉ vả và chưa đen nổi chốn tranh nó, nhưng rồi một buổi sang, sau khi nó cắt một g ong rất hùng hồn và khoa chân mua tay để đọc một đoạn van cam động một cách nực cười, tôi hieu rằng lòng chán nản của tôi đến đời ra bực tức cảm hơn mất.

Tôi nghĩ :

«Ấy vậy mà con người tôi cười chê kia, anh chàng ngu ngốc lỗ bịch kia, trước là tôi, hiện hũy còn một vài vẻ vẫn là tôi đây. Bao nhiêu nam đàng-dăng, tôi đã sống, đã làm, đã đoán, đã nghĩ nhiều, còn «em» tôi tức là nó thì ở lại đây cô đơn, nguyên vẹn y như tôi thừa xưa, trong giờ khắc tôi xa bỏ nơi này ra đi. Ấy thế mà thẳng tôi giờ khinh thàng tôi xưa đây. Này bạn ơi! hơi ấy, sao tôi lại chàng tin tưởng (và không tin hơn lúc này sao) rằng mình là một bực siêu quần bậc chúng, một thượng lưu nhân vật, một tri thức cao đẳng, một bác học lừng danh hoàn cầu, một thiên đồng chạng; và tôi nhớ rằng hồi ấy, tôi khinh bỉ «tôi» xưa lắm, cái «tôi» bé nhỏ của đứa trẻ thơ đại chưa vỡ trí khôn. Ngày nay tôi khinh miệt kẻ xưa kia đã từng khinh miệt. Vâng là những kẻ được khinh và những kẻ bị khinh đã cùng đổi một tên, cùng trong một hình than thê và đôi với mắt thiên hạ chỉ như một người đang sống thôi. Sau cái tôi hiện tại, một «tôi» nữa sẽ chấp thành, sẽ suy xét tâm hồn tôi bây giờ, tựa như tôi đang phân xử cái «tôi» khi xưa. Vậy tôi chàng sot thương cái «tôi» ngày xưa, còn ai thương mến «tôi» bây giờ?»

Tôi đang nghĩ như vậy thì con người kia cất cao giọng mà bình van. Tôi lạng yên còn biết nói gì; «nó» hết chuyện kể cho tôi nghe, đáng nhẽ nin yên cứ kể lẽ giải giòng và đọc những câu thơ đại cà-sa. Còn gì là tương đắc giữa chúng tôi nữa? Những kỷ niệm của một quá khứ xa xôi đã cạn hết, còn những việc xảy ra gần đây, cả một thế giới mới lạ, đầy vẻ đẹp, đầy ái tình, đầy nỗi lòng tê tái, những ý tưởng ngược đời nảy ra trong những buổi tà chiều, và ít hơn hết mọi truyện là giấc mộng đau đớn từ đây quanh quất tâm hồn tôi, tôi lại càng không thể kể cho hán nghe được, kể cho hán làm gì: hán hiểu quái gì nữa. Vang âm một vai câu nói khiến tôi chạnh nghĩ đến một cảnh nào, những bương vịn gì, những làm tuổi ai, những tiếng động nào làm tôi liên tưởng đến một vài ý nghĩ gì, đều tuyệt nhiên không cảm thông đến tim não anh ta. Anh van tôi kể truyện mà

neu toi ung thi anh lo mo nghe toi, nhưng chang nhó gi, cháng nhận đưóc gi, cháng hỏi cảm đưóc cung tôi những điều tôi kể. Đôi mắt hán nhìn ra khoảng không kia, cho đến khi tôi vùa ngưng không nói nữa, là hán trở lại những câu chuyện đại cà-sa, những khúc nhôi tâm sự vô vị, nhạt nhẽo trước.

Thế rồi tới ngày tôi không cảm đưóc mỗi cảm hơn đối với « thàng tôi » xưa nữa ! Tôi quả quyết nói với hán rằng tôi không thể chung sống đưóc nữa, và muốn tránh sự ghê tởm, tôi chỉ còn cách dao tẩu thôi. Hán ngạc nhiên nghe lời tôi nói và buồn lắm. Hán nhìn tôi, đôi mắt cầu khân ; riết tay tôi mạnh thêm mà nói bằng một giọng phưong tuợng đáng ghét rằng :

« — Sao anh bỏ em, sao anh đành bỏ em giữa chốn đìu-hiu này ? Nếu tự lâu, em thầm lặng đợi anh, thoát đã bao nhiêu nam em đã đếm từng giờ để những lát gần lại ? Đến giờ, có anh yêu dấu của em, có anh để chúng ta khơi mạch hờn xưa, để chúng ta linh tự, chuyện vãn đến về đẹp của tạo vật và nỗi đau của muôn loài, thế mà anh bỏ em một thân với nỗi sầu tủi, trong nỗi buồn rậm và héo hắt của đô thành này chang ? »

Tôi phát khùng lên trả nhời bằng một cử đợng điên đại. Tôi làm về từ giã thì hán bắt tay ghi tay ghi mạnh tôi và tôi nghe, trong cơn nức-nở, hán nói :

« — Không anh không đi đâu ; em cấm anh đi. Em sung xưong đưóc nói với người bạn hiểu em, nói với một người tim não còn sôi nổi còn ở trần gian lại đây nghe hiểu đưóc than vãn tâm sự của em. Không, anh không bỏ em nữa, anh không đưóc đi nữa đâu ! Em không cho phép anh đi đâu. »

Bạn này tôi không nói đưóc nữa nhời nữa, suốt ngày làm thình với hán, Hán nhìn tôi, lặng yên theo tôi như hình với bóng.

Hôm sau, tôi sửa soạn đầu đấ để ra đi, hán sùng sùng, ra trước cửa, để tôi ra khỏi nhà, sau khi đã hứa qua loa với hán ở thêm một ngày cuối.

Cư thế giòng già bốn ngày. Tôi cố chốn tránh mà hán không rời tôi một lát, đuổi theo tôi với những lời than chán ngắt và còn dùng vũ-lực nữa để cấm tôi không đi. Nổi thất vọng của tôi mỗi giờ một tăng cả mỗi cầu hờn nữa. Ngày thứ năm xem chừng không thoát khỏi vòng canh giữ, ghen tuợng của hán, tôi tìm đưóc một kế là vùng ra khỏi nhà này, cho chàng bạn khốn nạn theo sau.

Chúng tôi giòng chơi hôm ấy vào khu vườn héo hắt xưa kia tôi đợi lối chàng trai đó để mơ tuợng. Chúng tôi đến gần cái bệ đã chết nọ, đây lá cũng khô chết rồi. Chúng tôi ngồi trên những hòn già sơn, sua la ra để ngắm rõ hai bong. Khi hai khuôn

mắt hiện ra trên gương nước mơ, tôi vùng quay nắm lấy vai « thàng tôi » xưa và cúi đầu trước hết xuống nước giữa khoảng hình nó in xuống đấ. Rồi tôi cố đem nghị lực do lòng căm hờn làm tăng lên để chìm đầu và giữ nó dưới nước. Nó quẩn quại, giấy mạnh chân lên và đầu nó chìm dưới đợt sóng nổi trong bệ. Vài phút sau, toàn thân hán ruỗi ra và chìm lìm. Cứ thế tôi để hán biến xuống nước sâu. Thàng tôi khốn nạn xưa kia, thàng tôi ngộ nghĩnh và ngu đần những năm tàn cũ đã chết hán rồi.

Yên lòng, tôi ra ngoài vườn, từ giã đô-thành đó. Không một ai đồng lòng về chuyện này cả. Bữa nay, tôi sống trong đời, giữa những thành phố, v n bệ nhưng trong trí nhớ mù mịt, một khoảng trống lạ lúng khơi xuống. Và khi nào trong tâm hồn, một nỗi vui, dâng lên bằng những chuỗi cười ngây dại, tôi tuợng tôi là một kẻ tự sát rồi mà vẫn còn ở trần gian.

PHẠM-CHÍ-LƯƠNG

## Giải thưởng văn-học Mai-Lĩnh

Chúng tôi đưóc tin nhà xuất bản Mai-Lĩnh định hàng năm đặ ra những giải thưởng về văn học bằng món tiền là 600\$00 Thật là một việc đích đáng rất nên khen ngợi, vừa để khuyến khích các nhà văn có tài vừa để giúp vào việc chấn-hưng văn-học nước nhà.

Dưới đây đặng tóm tắt điều lệ về giải thưởng đó.

### A. — Sách đã xuất-bản

300\$ chia làm hai giải : 200\$ về loại khảo cứu và 100\$ về tiều-thuyết, phóng sự v. v... thưởng hai cuốn sách đặc-sắc nhất đã xuất-bản trong một năm.

### B. — Sách chưa xuất-bản

300\$ chia làm hai giải : 200\$ về loại khảo cứu và 100\$ về tiều-thuyết hay phóng sự v. v... thưởng hai cuốn văn đặc-sắc nhất trong những bản thảo gửi đến dự thi.

Về loại trên, các nhà văn không bắt buộc phải dự thi, tự chúng tôi sẽ thu thập lấy những sách đã xuất bản trong một năm rồi giao cho hội đồng duyệt sách.

Về loại thứ hai thì các nhà văn phải gửi bản thảo của mình đến dự thi. Bản thảo viết hoặc đánh máy đợng lại thành tập dày từ 100 đến 150 trang giấy học trò, thuộc về tiều-thuyết, phóng sự kịch bản v. v...

Bản thảo phải gửi đến nhà xuất bản Mai-Lĩnh Hanoi đến ngày 1 Septembre 1942 là hết hạn.

Đã có bán :

**ĐẠM TIÊN** tiểu thuyết dài của Lê Đình-Ngân.

Còn một số ít :

**TRĂNG XANH HUYỀN HOẶC** tiểu thuyết của Trọng Miên.

**BÓNG NGƯỜI NGÀY XƯA** tiểu thuyết dài của Thanh Châu.

**NGƯỜI THƠ** (cuốn thứ nhất) tiểu thuyết dài của Trọng Miên.

Đang in :

**NGƯỜI THƠ** (cuốn thứ nhì).

Sắp in :

**THƠ HÀN MẠC TỬ**

**GAJ LỬA** (tập chuyện tư tưởng) của Chế Lan Viên.

**Nhà xuất bản : ĐÔNG PHƯƠNG**

**151, Henri d'Orléans Hanoi - Saigon 227, Paul Blanchy**

Giám đốc : **LÊ HỮU-PHƯƠNG**

## HỘP THƯ.

Cùng các bạn gửi thơ đề đăng — Xin giả nhời chung các bạn rằng, trừ những trường hợp đặc biệt báo T. N. Không đăng thơ. Vậy xin lỗi các bạn.

Ô. Nguyễn-văn-Văng (Fort Bayard). Xin cảm ơn. Những số Juin, Juillet, Septembre 1941 hết cả, những số đặc biệt là số Décembre 1941 và Février 1942.

Ô. Cung-Khanh (Sadec). Ô. Phan-cự-Nguyên (Hà-nội). Đã nhận được bài. Xin cảm ơn, còn đang xem.

## VỀ LUẬT THUÊ NHÀ

Theo bản án ngày 9 Mai 1942 của tòa Sơ-thẩm Hà-nội, thi hành sắc lệnh ngày 14-3-1942, CHỦ NHÀ TỜ NAY KHÔNG CÓ QUYỀN ĐUỔI NGƯỜI THUÊ NHÀ. (chỉ kể những người thuê dề ở). Chưa biết rồi tòa thượng thẩm có y án trên này không (xem T. N. 1er Juin 1942).

YÊU TRẺ EM CHỜ CHO TIỀN, HƯ TRẺ EM ĐI, CHỈ NÊN CHO :

**ĐỒ CHƠI INDO**

ích lợi và đẹp như đồ chơi Âu Mỹ

Bán buôn và bán lẻ tại : số nhà 27, phố Hàng Thiếc, HANOI

## VÀI ÁN VỀ NHÀ ĐẤT LÂN CẬN

(Tiếp theo trang 15)

Trong ba loại địa dịch trên đây thì loại thứ ba cần phải có giấy tờ, văn tự cẩn thận, là vì pháp luật không muốn rời vì những sự bán mua đổi trác, gây ra nhiều sự lồi thối, người chủ nhà đất mới hoặc không nhận một địa dịch nhà đất của mình phải chịu, hoặc đòi hưởng một địa dịch mà nhà đất mình được hưởng, địa dịch đó có thật hay là do óc họ tưởng tượng ra! Cũng vì lẽ cần phải có văn tự, chứng thư, mà nhất là phải đăng ký vào địa bạ, mà ở án trên đây tòa đã không nhận rằng những nhà số 326 và 326bis được hưởng địa dịch mà nhà số 236ter phải chịu. Trước kia pháp luật có định rằng « địa dịch do người gia trưởng » (nghĩa là địa dịch do một người sở hữu chủ đặt cho một sở nhà đất của mình được hưởng trên một sở nhà đất bên cạnh cũng của người đó, rồi về sau nhà đất đó đều bán hay cho những chủ khác nhau), địa dịch đó được miễn sự đăng ký vào địa bạ; nhưng điều luật đó bị thủ tiêu do sắc lệnh ngày 21-7-1925, theo lời quyết- nghị của tòa, và từ nay bất cứ một địa dịch nào do người đặt ra cũng phải có chứng thư mình bạch và phải ghi vào địa bạ mới có thể đem ra đối phó với mọi người.

ĐỖ DỨC-DỤC

## Trường Cao-đẳng thể-dục...

(Tiếp theo trang 15)

Muốn được ra như vậy thì trong tuân lễ phải làm việc cẩn thận. Đừng có trốn tập, đừng có về trường chậm giờ, đừng có cười nói trong hàng: không tuân mệnh lệnh trên, thì hình phạt đợi các bạn là: chạy mấy vòng trên sân ấy, hoặc bị trừ điểm, hoặc phải ở lại trường trông bụi cát đổ gió thổi bay trong khi bạn bè vui vẻ ở dưới tỉnh, hay ở một cảnh trí nào thơm mát.

Xuống tỉnh, anh em lực sĩ thường mặc short và quần áo trắng nhẹ. Trong mấy tháng liền ở Phan-Thiết chúng tôi không biết một ngày mưa. Khi hậu thường hơi nóng, nhờ gió bề nên ở trên đồi thường mát và chỉ hơi lạnh vào khoảng 4 giờ sáng. Chúng tôi quên dùng cravate và biếng chải đầu gọn ghẽ như khi ở Hà-nội. Lúc xuống tỉnh, đầu bóng và lịch sự nào mà chẳng bị gió bề làm tung rối! Và lại chân tay đỏ hồng, đầu tóc rối rã giã dị của chúng tôi là dấu hiệu của cuộc đời hoạt động chúng tôi sống ở trên đồi kia và chúng tôi không do dự chi mà chẳng để phỏ ra dưới mặt trời.

(Còn nữa)

Đ. G. T.

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG-  
PHÁP HAI TÁC PHẨM  
NGHỆ THUẬT ĐỀ MỞ  
ĐẦU CHO NHỮNG  
SÁCH CÓ GIÁ TRỊ KHÁC

của  
nhà xuất bản

## « MỞI »

57 — Phố Phúc-kiến — HANOI  
những quyển sách bìa giấy,  
giấy tốt, trình bày mỹ thuật  
nhưng in chỉ có hạn, nếu  
không đơn mua ngay sẽ  
hối tiếc.

THƯ TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN ĐỀ :

**LÊ VĂN - DỰ**

Directeur des éditions "mới"  
57 — Rue Phúc-kiến — HANOI

## KINH CẦU-TỰ'

tập văn xuôi đầu tiên của thi sĩ HUY CẬN

bìa mỹ thuật do thi sĩ PHẠM HẦU trình bày

1000 bản giấy làng Nghè,	giá mỗi bản : 0p.85
46 bản Lụa Dó, còn 8 bản,	giá mỗi bản : 3p.50
20 bản Vergé bambou, còn 6 bản,	giá mỗi bản : 4p.50

## Tiêu nhiên mỹ co'

phóng tác của VŨ NGỌC PHAN

một chuyện tình diễm ảo, một áng văn chương của thể giới

1500 bản thường	giá mỗi bản : 1p.25
2 bản Vergé	giá mỗi bản : 7p.00
5 bản Bouffant	giá mỗi bản : 5p.00

**LÀM TIỀN**

của Trọng Lang

**CON NHÀ NGHÈO** của Phiêu Linh

DANG IN :

NHÀ THUỐC

NĂM MỚI

DAI - QUANG

XIN KÍNH CHUC CÁC NGÀI  
DÙNG THUỐC ĐAI QUANG  
ĐỀU ĐƯỢC BÌNH AN  
MẠNH KHỎE QUANH NĂM.

23 - HÀNG NGANG -- HANOI



MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHỆ  
NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

**PÉDOCA 6°**

Chế theo phương pháp các nhà  
sản xuất Desseau và Borde-  
laise, đã được phòng thí-  
nghiệm công nhận Thơm và độ  
Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như  
G. M. R. Poinard Veyret

*Làm đại-lý, viết thư về:*  
*136 Armand Rousseau, Hanoi*

Đầu năm đầu tài  
đã vào nhà ngài  
chỉ bỏ 1 \$ 00 mua

**VÉ SỔ SỐ**  
**Đông - du'ng**

các ngài sẽ trúng  
10 vạn bạc

Ô-tô nhà lâu... cả một  
tương-lai rực rỡ.

# BÁO THANH-NGHỊ

(mỗi tháng ra 2 kỳ vào những ngày 1 và 16)

## BAN BIÊN TẬP

### A. — Phần nghị-luận và khảo-cứu :

Các bà PHAN-ANH, HOÀNG-XUÂN-HÂN, CÔ VŨ-THỊ-HIỀN.

LÊ-HUY-VÂN, PHAN-ANH, VŨ-VĂN-HIỀN, ĐỖ-XUÂN-SÁNG, NGUYỄN-NHƯ KONTUM, PHẠM-GIA-KÍNH, HOÀNG-XUÂN-HÂN, TRẦN-VĂN-GIÁP, NGUYỄN-TRỌNG-PIHÁN, NG-VĂN-TỐ, VŨ-VĂN-CẦN. D<sup>r</sup> ĐẶNG-HUY-LỘC, D<sup>r</sup> TRỊNH-VĂN-TUẤT, D<sup>r</sup> TRẦN-VĂN-BẰNG, D<sup>r</sup> PHAN-HUY-QUÁT, VŨ-ĐÌNH-HÒE v. v...

### B. — Phần văn-chương và mỹ-thuật :

TÒ-NGỌC-VÂN, NGUYỄN-XUÂN-KHOÁT, ĐOÀN-PHÚ-TỬ ĐỖ-ĐỨC-THU, ĐÌNH-GIA-TRINH, v. v....

### C. — Phần nhi-đồng giáo-dục :

PHẠM-LỢI, NGÔ-BÍCH-SAN, LÊ-HUY-VÂN, NGUYỄN-QUANG-ĐƯỜNG, VŨ-ĐÌNH-HÒE, v. v...

### Trong số 1<sup>er</sup> Juin 1942 :

— Thuyết tu thân. . . . .	ĐỖ XUÂN-SÁNG
— Thế nào là lập hiến ? . . . . .	PHAN-ANH
— Địa-vị phụ-nữ Việt-nam trong pháp-luật. . . . .	VŨ VĂN-HIỀN
— Những Bình dân ngân hàng . . . . .	VŨ ĐÌNH-HÒE
— Âm thanh . . . . .	ĐOÀN PHÚ-TỬ
— Địa-vị Khổng-Tử trong Nho giáo. . . . .	ĐẶNG THÁI-MAI
— Thế giới từ septembre 1939. . . . .	TÂN-PHONG
— Lễ lập xuân. . . . .	NGÔ ĐÌNH-NHU
— Học đề làm gì ? . . . . .	NGUYỄN VĂN-TỐ
— Âm-nhạc lối hát ả-đào. . . . .	NGUYỄN XUÂN-KHOÁT
— Trường cao-đẳng thê-dục Đông-dương ở Phan-thiết — Phương-pháp huấn-luyện. . . . .	ĐÌNH GIA-TRINH
— Vài vụ kiện giữa chủ và người thuê nhà. . . . .	ĐỖ ĐỨC-DỤC
— Công cuộc bảo vệ hải nhi ở Pháp. . . . .	BÀ PHAN-ANH
— Đưa con, truyện dài. . . . .	ĐỖ ĐỨC-THU
— Lược khảo về tiêu-thuyết Tàu. . . . .	TRẦN VĂN-GIÁP
— Vệ sinh ở thôn quê. . . . .	VŨ VĂN-CẦN

### GIÁ BÁO :

THANH NGHỊ : mỗi số : 0 \$ 25, 3 tháng 1 \$ 50, 6 tháng 2 \$ 80, 12 tháng 5 \$ 40  
V. M. TRÉM : — 0 \$ 12, — 1 \$ 00, — 2 \$ 00 — 3 \$ 90  
Cả hai bao : — 2 \$ 40, — 4 \$ 70 — 9 \$ 20

TÒA BÁO : 102, PHỐ HÀNG BÔNG — Giấy nói : 672